

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỖ-KHEO
Chương II: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN

I. CỐ Ý TIẾT TÌNH

A. DUYÊN KHỞI

1. Kết giới lần thứ nhất:

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa nơi thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di¹⁹¹ vì bị ám ảnh dục bưng bưng,¹⁹² nên nhan sắc tiêu tụy, thân thể yếu mòn. Trong thời gian khác, Ca-lưu-đà-di sống một mình trong một phòng, trang bị võng tốt, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, chăn gối, dưới đất lại trải phụ cụ tốt, ngoài cửa để đồ đựng nước nóng rửa chân; ăn uống đầy đủ sung túc; do vậy ám ảnh dục càng bưng bưng. Mỗi khi dục tâm khởi lên, ông bèn vọc cho xuất bất tịnh. Nhờ vậy, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa. Các Tỳ-kheo thân hữu thấy vậy hỏi:

- Trước đây nhan sắc của thầy tiêu tụy, thân hình gầy ốm, mà nay thì nhan sắc tươi vui sáng sủa. Ấy là do đi đứng thoải mái chăng? Không khốn khổ vì ăn uống phải không? Vì sao được như vậy?

Ca-lưu-đà-di trả lời:

- Tôi đi đứng thoải mái, không khổ vì chuyện ăn uống.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

- Nhờ phương tiện gì mà đi đứng thoải mái, không khổ vì chuyện ăn uống?

Ca-lưu-đà-di đáp:

- Nay Đại đức, trước đây tôi vì bị ám ảnh dục bưng bưng, nên nhan sắc tiêu tụy, thân thể yếu mòn. Sau đó, tôi sống một mình trong một phòng, trang bị võng tốt, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, chăn gối, dưới đất lại trải phụ cụ tốt, ngoài cửa để đồ đựng nước nóng rửa chân; ăn uống đầy đủ sung túc. Mỗi khi dục tâm khởi lên, tôi bèn vọc cho nó xuất bất tịnh. Nhờ vậy mà tôi đi đứng thoải mái, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa.

Các Tỳ-kheo nói:

- Việc Thầy làm thì rất khổ, tại sao nói an lạc? Việc làm không an mà lại nói an sao? Trong chánh pháp này nói về dục cốt để trừ dục, nói về mạn cốt để trừ mạn; diệt trừ khát ái, đoạn các kết sử, do diệt tận ái

178. Ca-lưu-đà-di; Ngũ phần 2: Trưởng lão Ưu-đà-di 長老優陀夷; Tăng-kỳ 5: Tỳ-kheo Thi-lị-da-bà 時有比丘名尸利耶婆. Pali: Udāyin hành thủ dām, rōi bảo Seyyasaka làm theo. Số giải nói Udāyin naṃy laṃ Lānudāyi, Hoà thượng của Seyyasaka.

179. Hán: Dục ý xí thịnh 欲意熾盛.

mà Niết-bàn. Tại sao Thầy bị dục ám ảnh bưng bưng; mỗi khi dục tâm khởi lên, bèn vọc cho xuất bất tịnh?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo.

Ngài biết mà vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có phải người do ám ảnh dục bưng bưng; rồi mỗi khi dục tâm khởi lên, bèn vọc cho xuất bất tịnh chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thật vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

- Việc người làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm. Tại sao nay người đã xuất gia trong pháp thanh tịnh của Ta mà làm cái hạnh ô uế, vọc âm cho xuất tịnh? Người, kẻ ngu si này, nay đưa cánh tay ra để nhận thức ăn của tín thí, rồi lại bằng cánh tay đó mà vọc âm cho xuất tịnh!

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau ta vì các Tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài. Người muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

- Tỳ-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tịnh, tăng-già bà-thi-sa.

2. Kết giới lần thứ hai:

Sau khi Thế Tôn kết giới như vậy cho các Tỳ-kheo, bấy giờ có một Tỳ-kheo khi ngủ ý loạn, bị mộng tinh có ức niệm, khi tỉnh dậy, suy nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kết giới: “Vọc âm xuất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa.” Ta khi ngủ loạn ý, bị mộng tinh có ức niệm, há không phạm Tăng-già-bà-thi-sa ư? Nay ta nên như thế nào? Vị ấy liền đến Tỳ-kheo đồng ý kể lại đầy đủ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kết giới: “Vọc âm xuất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa.” Tôi khi ngủ loạn ý, bị mộng tinh mà còn nhớ, há không phạm tăng-già-bà-thi-sa ư? Nay tôi nên như thế nào? Đại đức vì tôi đem nhân duyên này bạch với Đức Phật. Nếu Đức Phật dạy bảo thế nào, tôi sẽ phụng hành thế ấy.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này liền tập hợp các Tỳ-kheo bảo:

- Khi ngủ mà ý loạn có năm điều tai hại:

1. Ác mộng.
2. Chư thiên không hộ vệ.
3. Tâm không nhập pháp.¹⁹³
4. Không tư duy minh tướng.¹⁹⁴
5. Trong mộng xuất tinh.

Đó là năm điều tai hại. Khi ngủ với ý lành có năm công đức:

1. Không thấy ác mộng.
2. Chư thiên hộ vệ.
3. Tâm vào nơi pháp.
4. Cột ý nơi minh tướng.
5. Không bị xuất tinh trong mộng.

Đó là năm điều công đức. Trong mộng xuất tinh không phạm.

Từ nay về sau giới này sẽ được thuyết như vậy:

B. GIỚI VẤN

Nếu Tỳ-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tinh, trừ chiêm bao, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Vọc:¹⁹⁵ Thật cố tâm làm cho xuất tinh. Tinh có bảy loại:¹⁹⁶ xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, màu sữa,¹⁹⁷ màu sữa tương.¹⁹⁸ Tinh màu xanh là tinh của Chuyển luân thánh vương. Tinh màu vàng là tinh của Thái tử Chuyển luân thánh vương. Tinh màu đỏ là tinh phạm nhiều đến nữ sắc. Tinh màu trắng là tinh của người vác nặng. Tinh màu đen là tinh của đệ nhất Đại thần Chuyển luân thánh vương. Tinh màu sữa là gì? Là tinh của Tu-đà-hoàn. Tinh màu sữa tương là gì? Là tinh của Tư-đà-hàm.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở chỗ nhân tịnh trì tụng chú thuật. Kinh của ông nói, nếu ai cố ý làm xuất tinh thì mạng chung sẽ sanh thiên. Người kia muốn cầu thiên đạo, thường vọc âm xuất tinh. Khi người Bà-la-môn xuất gia hành đạo, nghe theo lời nói này, vì muốn sanh thiên, nên vọc âm xuất tinh. Vị kia nghi, nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật. Phật nói, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

180. Ngũ phần 2. tr.10b22: Không có tâm giác pháp 無覺法心.

181. Minh tướng 明相 ; Ngũ phần: Minh tướng 明想

182. Hán: Lộng 弄. Tứ phần: Cố lộng âm xuất tinh 故弄陰出精. Ngũ phần: Cố xuất bất tịnh 故出不淨; Tăng kỳ, Thập tụng: Cố xuất tinh 故出精. Pali: Sācetanikā sukkavisatthi, cố ý làm xuất tinh.

183. Ngũ phần: 10 loại. Thập tụng: 5 loại. Pali, 10 loại: Nīlam pītakam lohitaam onātam takkavattam dakavattam telavattam khīravattam dadhivattam sappivattam; không giải thích chi tiết.

184. Lạc sắc 酪色, tức Pali dadhivattamm

185. Lạc tương sắc 酪漿色, tức Pali sappivattatt.

Nếu vì khoái lạc, vì làm thuốc, vì tự thí nghiệm sự xuất tinh, vì cầu phước, vì tế trời, vì sanh thiên, vì để cho, vì nối giòng, vì tự phóng túng (lung tánh), vì tự thử sức, vì nhan sắc đẹp, vì những việc như vậy mà lộng xuất tinh,¹⁹⁹ tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu bằng ức niệm mà vọc cho xuất tinh, Tăng-già-bà-thi-sa.²⁰⁰ Nếu bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất tinh màu xanh; tinh xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất tinh màu xanh nhưng tinh xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, tương sữa, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu muốn xuất tinh màu vàng lại ra tinh màu đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, màu xanh, Tăng-già-bà-thi-sa. Màu đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương cũng như vậy.

Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc cho xuất bất tịnh,²⁰¹ Tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh lại thất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa và sữa tương, Tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương và xanh cũng lại như vậy.

Vì muốn làm thuốc, vì tự mình thử, vì cầu phước, vì tế tự, vì sanh thiên, vì để cho, vì để lấy giống, vì phóng túng, vì tự thử sức, vì nhan sắc tươi vui, cũng như vậy.

Hoặc đối với nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc, nước, gió, không.

- Nội sắc: Là sắc có thọ.²⁰²

- Ngoại sắc: Là sắc không thọ.²⁰³

- Nội ngoại sắc: Là sắc có thọ và không thọ.

- Nước: Thuận giòng nước hay ngược dòng nước, dùng nước rưới lên.

186. Ngũ phần: 10 mục đích cố ý xuất tinh, đại để như Tứ phần. Căn bản Tì-nại-da, có 5 mục đích.

187. Tăng kỳ 5: Mắt thấy, v.v..., sanh ý tưởng dâm dục; sau đó, bằng sự hồi tưởng (ức niệm), dục tâm phát sanh. Thập tụng 3: Ba yếu tố thành phạm: Phát tâm, thân động, xuất tinh.

188. Hán: Thất bất tịnh 失不淨, - làm thất thoát cái bất tịnh,» tức xuất bất tịnh hay xuất tinh. Các bản: Thất 失; bản Thánh: Xuất 出.

189. Thọ sắc 受色. Ngũ phần: Nội sắc chỉ cho tự thân 己身. Thập tụng: Nội thọ sắc 內受色 sắc có chấp thọ thuộc nội thân (xem Câu-xá 1, tr.2c), chỉ sự thủ dâm bằng cách dùng tay, chân, miệng, v.v... Cf. Tăng kỳ: Thân, thân phần, thân hiệp 身身分身合 thân: Tất cả dao động của thân làm xuất tinh; thân phần; dùng tay hay chân, hay một bộ phận của thân mình làm xuất tinh; thân hiệp: Dùng các phương tiện ngoài như đất, nước, chăn, gối... Pali, Vin.iii.112: ajjhatarūpe moceti, xuất trong nội sắc; thích từ: ajjhatarūpeti ajjhattam upādinne rūpe, nội sắc, sắc được chấp thủ nội thân.

190. Thập tụng: Ngoại bất thọ sắc 外不受色. Ngũ phần, ngoại sắc: Thân người khác 他身.

- Gió: Là thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hoặc dùng miệng thổi.

- Không: Từ nơi hư không mà dao động thân.²⁰⁴

Nếu ở nơi nội sắc mà vọc cho xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho thất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, lại xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc mà vọc cho xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, lại xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc cho đến vì nhan sắc hòa duyệt cũng như vậy. Đối với ngoại sắc cũng như vậy. Đối với nội sắc cũng như vậy. Đối với nước, gió, hư không cũng như vậy.

Bằng ức niệm mà vọc cho xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa. Không xuất, Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo phương tiện vọc mà xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa; không xuất, Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo dạy Tỳ-kheo phương tiện vọc cho xuất bất tịnh; nếu xuất, Thâu-lan-giá; không xuất Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy Tỳ-kheo phương tiện vọc xuất bất tịnh; nếu xuất, Thâu-lan-giá; không xuất, Đột-kiết-la. Chỉ dạy cho người khác, ngoại trừ cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, vọc mà xuất hay không xuất đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trong mộng bị xuất. Tỉnh dậy, sợ bản thân, bản y, giường, chăn, dùng vật xấu tệ, lá cây hay vật gì đựng đem vất đi, hoặc dùng tay quẹt bỏ. Hoặc do dục tưởng mà xuất bất tịnh; hoặc thấy sắc đẹp, không xúc chạm mà xuất bất tịnh; hoặc khi đi, tự chạm hai bắp vế; hoặc chạm y, hoặc chạm niết-bàn-tăng²⁰⁵ mà xuất bất tịnh; hoặc khi đại tiểu tiện xuất bất tịnh; hoặc tắm rửa bằng nước nóng, nước lạnh xuất bất tịnh; hoặc trong nhà tắm dùng da cây mịn, bột, thuốc, bùn, đất xoa chà, xuất bất tịnh; hoặc dùng tay kỳ, xoa nơi thân xuất bất tịnh; hoặc khi

191. Pali, id., ākāse kanim kampakanto moceti, xuất trong khi làm dao động phần mộng trong không gian.

192. Pali, id., ākāse kanim kampakanto moceti, xuất trong khi làm dao động phần mộng trong không gian.

kêu la khóc lớn, hoặc khi dụng lực làm việc. Tất cả trường hợp không có ý tạo nên mà xuất bất tịnh, đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.²⁰⁶

II. XÚC CHẠM NỮ NHÂN

A. DUYÊN KHỞI

Phật trú tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Phật chế giới cấm không được vọc âm cho xuất tinh, bèn cầm cây gài cửa, đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến,²⁰⁷ nói:

- Nay cô, cô có thể vào phòng mà xem.

Khi họ vào trong phòng, Ca-lưu-đà-di nắm tay, rờ rẫm, hôn hít. Người nào ưa thích thì vui cười với việc làm đó. Người không ưa thích thì liền nổi giận mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức nên biết, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Ca-lưu-đà-di đưa chúng tôi vào trong phòng rồi nắm tay, kéo, rờ mó, hôn hít chúng tôi. Phu chủ của chúng tôi, khi ở trong phòng kéo níu như vậy, chúng tôi còn không chấp nhận được, huống nay là Sa-môn Thích tử mà lại làm như vậy!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di:

- Đức Thế Tôn chế giới không được vọc âm xuất tinh. Nay tại sao thầy cầm cây gài cửa, đứng trước cửa chờ các phụ nữ, hoặc vợ của nhà cư sĩ, vào phòng xem rồi rờ mó, hôn hít ?

Quở trách như vậy rồi, vị ấy đi đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Đức Phật. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi:

- Ca-lưu-đà-di! Người thật sự có làm như vậy không?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự thật đúng như vậy.

193. Hán, hết quyển 2.

194. Tăng kỳ 5: Phật tại Vương-xá, Ca-lan-đà Trúc viên. Sa-di-ni Chi-lê 支梨, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la 優鉢羅, được sai mang y đến cho Ưu-đà-di; bị Ưu-đà-di dẫn vào phòng riêng rồi ôm. Tiếp theo, một chuỗi sự kiện với nhiều người khác nhau.

Khi ấy, Đức Thế Tôn quở trách Ca-lưu-đà-di:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VẤN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, cùng người nữ, thân xúc chạm nhau, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc xúc chạm mỗi một thân phần, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Ý dâm dục: Tức là tâm bị nhiễm ô bởi ái.²⁰⁸

Người nữ: Như trên đã nói.²⁰⁹

Thân: Tức là từ tóc cho đến chân.

Thân xúc chạm nhau:²¹⁰ Hoặc xoa nắm, hoặc xoa bóp khắp,²¹¹ hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc xoa ngược, hoặc xoa xuôi, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc nắm, hoặc bóp, hoặc ấn mạnh.²¹²

Xoa nắm: Xoa chà phía trước hay phía sau trong thân.²¹³

195. Dâm dục ý 淫欲意; Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.11a28): Dục thịnh biến tâm 欲盛變心. Tăng kỳ 5 (T22n1425, tr.265c23): Dâm dục biến tâm 淫欲變心; thích từ: Tâm quá khứ diệt tận, biến dịch, nói là biến. Nhưng biến dịch ở đây chỉ cho sự biến dịch đối với căn, lực, giác chi, đạo chủng. Pali, Vin.iii.120: otitto viparinatena cittena, bị ức chế bởi tâm biến đổi; thích từ: otitto, chỉ tâm tham ái bị buộc chặt bởi sự khát vọng dục tình.

196. Ngũ phần, nt.: Người nữ, kể cả trẻ mới sinh. Pali, ibid, người nữ, kể cả trẻ mới sinh, chỉ loài người chứ không phải dạ-xoa, quỷ, súc sinh.

197. Hán: Thân tương xúc 身相觸; Ngũ phần: Thân tương ma xúc 身相摩觸. Pali, Vin.iii.119: Kāyasansaggam samāpajjeyya, tiến đến chỗ giao hội của thân thể. Sở giải: Hatthagghanādi kāyasampayogam, sự kết hợp thân thể bằng sự nắm tay v.v...

198. Hán: Trùng ma 重摩, không có giải thích. Căn bản: Cực xúc 極觸. Pali: Parāmasanā. xoa bóp cùng khắp; Sở giải: Parāmasanā nāma itocito ca sanpanā, xoa bóp cùng khắp, nghĩa là sờ mó chỗ này, chỗ kia.

199. Căn bản Tì-nại-da 11, tr.683c, 9 động tác phạm Tăng-già-bà-thi-sa: Xúc 觸, cực xúc 極觸, bằng 憑, tróc 捉, khiên 牽, duệ 曳, thượng 上, hạ 下, biến bao 遍抱. So sánh Pali, Vin.iii.121,

các động tác xúc chạm: āmasanā parāmasanā omasanā ummasanā olanghanā ullanghanā katthanā patikatthanā abhiniggahanā abhinippīnanā gahanam chupanam, vuốt ve, vuốt khắp, vuốt xuống, vuốt lên, khom xuống, ngựa lên, ôm chặt, áp sát, cầm nắm, sờ mó.

200. Ma 摩. Ngũ phần: Ma xúc 摩觸. Thập tụng: Ma tróc 摩捉. Căn bản: Xúc 觸. Pali: āmasanā,

Kéo: Kéo ra phía trước.²¹⁴

Đẩy: Đẩy nhau.

Xoa ngược: Từ dưới xoa lên.

Xoa xuôi: Từ trên xoa xuống.

Nâng lên: Ấm mà nâng lên.

Để xuống: Đang đứng mà ảm để ngồi xuống.

Nấn: Nấn phía trước, nấn phía sau, nấn vú, nấn đùi.

Sờ: Bóp phía trước, bóp phía sau, bóp vú, hoặc bóp đùi.²¹⁵

Thảy đều Tăng-già-bà-thi-sa.

C. PHẠM TƯỚNG

Hoặc nữ tướng là nữ; nữ nhân rời mó thân Tỳ-kheo, hai thân xúc chạm nhau, (Tỳ-kheo) với ý dục nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc trong khi xúc chạm, Tăng-già-bà-thi-sa.

Người nữ khởi nữ tướng. Người nữ ấy dùng tay rời mó, Tỳ-kheo động thân, dục ý nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Tăng-già-bà-thi-sa. Cũng vậy, cho đến nấn, bóp. Nếu nghi là nữ, Thâu-lan-giá.

Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ; thân xúc chạm áo, đồ anh lạc của người nữ kia, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ; thân xúc chạm áo, đồ anh lạc của người nữ kia, với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá.

Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ. Người nữ ấy dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm trên thân Tỳ-kheo; (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ. Người nữ dùng y, đồ anh lạc, xúc chạm thân Tỳ-kheo, (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, dùng thân xúc chạm y, anh lạc của người nữ, (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, động thân, nhưng không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, (Tỳ-kheo) dùng thân xúc chạm y, đồ anh lạc của người nữ, với dục tâm nhiễm trước, không động thân nhưng có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ; người nữ

do động từ masati (Skt. mnś): Sờ mó, vuốt ve.

201. Khiên 牽. Căn bản: Khiên, từ xa kéo lại gần (mình).

202. Hán: Nại 捺. Pali: Chupanam nāma phutthamattam, sờ mó, chỉ xúc chạm thôi.

này dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm thân Tỳ-kheo, (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, động thân, nhưng không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thân-lan-giá. Người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ; người nữ này dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm, (Tỳ-kheo) có dục tâm nhiễm trước, dù không động thân, Thân-lan-giá. Người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, thân xúc chạm nhau, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc xúc chạm, dù không động thân, Thân-lan-giá. Cũng vậy, nắm, xoa cho đến nắm, bóp, thả đều Thân-lan-giá. Nếu là nữ mà nghi, phạm Đột-kiết-la.

Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân,²¹⁶ với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, động thân, Đột-kiết-la. Cho đến nắm, bóp, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Là người nữ mà nghi, phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ hai thân xúc chạm nhau, mỗi một lần xúc chạm là phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo sự xúc chạm nhiều ít, với rồng cái, ngựa quý cái, súc sanh cái, có thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau phạm Đột-kiết-la. Nếu cùng người nam hai thân xúc chạm nhau, Đột-kiết-la. Nếu cùng với người lại cái,²¹⁷ thân xúc chạm nhau, Thân-lan-giá. Nếu người nữ khi làm lễ nắm chân, Tỳ-kheo có cảm thấy

203. Hán: Thân y xúc thân y anh lạc cụ 身身衣觸身衣瓔珞具 Tham chiếu Pali, Vin.iii.122: ...itthiyā kāyapanibaddhena kāyapanibaddham āmasati, bằng trang phục nơi thân (của Tỳ-kheo) mà xúc chạm trang phục nơi thân của người nữ...

204. Nhị hình 二形; Ngũ phần, Tăng-kỳ, Thập tụng: Hoàng môn 黃門; Pali: Pattaka.

thích thú do sự xúc chạm, nhưng không động thân, Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo có dục tâm, xúc chạm y, bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, cọng cỏ rỗng,²¹⁸ cho đến tự mình xúc chạm thân, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Nữ nhân tưởng là nữ nhân, Tăng-già-bà-thi-sa. Nữ nhân, sanh nghi, Thâu-lan-giá. Nữ nhân, tưởng chẳng phải nữ nhân, Thâu-lan-giá. Chẳng phải nữ nhân tưởng là nữ nhân, Thâu-lan-giá. Chẳng phải là nữ nhân, sanh nghi, Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni, Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Xúc chạm nhau khi nhận đồ vật gì; xúc chạm nhau, chỉ vì đùa giỡn; xúc chạm nhau, khi cởi mở (trói) thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

III. NÓI LỜI THÔ TỤC²¹⁹

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ.²²⁰ Bấy giờ Ca-lưu-đà-di nghe Đức Thế Tôn chế giới: “Không được vọc âm cho xuất tinh”; “không được thân xúc chạm người nữ,” bèn cầm cây gài cửa ra đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến, nói:

- Mời các cô vào phòng tôi xem.

Khi dẫn họ vào trong phòng rồi, Ca-lưu-đà-di, do dục tâm, nói với họ những lời thô tục bỉ ổi. Những người nữ bằng lòng thì vui vẻ trước những lời nói đó, còn những người không bằng lòng thì nổi sân mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức nên biết, nay tôi thấy phải điều sai quấy, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay lại chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Tại sao tôi nói như vậy? Ca-lưu-đà-di mời chúng tôi vào phòng, với ý dâm dục, nói lời thô bỉ xấu ác đối với chúng tôi. Khi ở tại nhà, phu chủ tôi nói lời thô

205. Thảo cốc 草 (告); Tống-Nguyên-Minh: Thảo nghiệt 草秸. Đây chỉ cây cỏ rỗng ruột có thể gọi dục. Các luật khác không nói các trường hợp Đột-kiết-la này.

206. Tứ phần, quyển 3 (T22, tr.581bt); Căn bản, quyển 11 (T23n1442, tr.684a15); Tát-bà-đa, quyển 3 (T23, tr.520b9); Thập tụng, quyển 3 (T23, tr.15c18); Ngũ phần, quyển 2 (T22n1421, tr.11b23); Tăng-kỳ, quyển 5 (T22n1425, tr.267c19); Pali, Sanghādisesa 3, mātugāmaṃ dutthullāhi vācāhi obhāseyya, Vin. iii. 127.

207. Tăng kỳ: Phật tại Vương-xá.

bỉ xấu ác như vậy, tôi còn không thể chấp nhận, huống chi nay là người xuất gia, mà lại nói những lời tồi tệ như thế.

Các Tỳ-kheo nghe; trong số đó có vị thiếu dục, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách Ca-lưu-đà-di... (nói đầy đủ như trước); rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngồi trong đại chúng, Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật người đã làm sự việc như vậy chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đúng như vậy.

Đức Thế Tôn quả trách:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp trường tồn.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, nói lời dâm dục thô ác với người nữ; tùy theo lời nói dâm dục thô ác,²²¹ Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Ý dâm dục,²²² như trên.

Người nữ: Cũng như trên.

Thô ác: Là chẳng phải phạm hạnh.

Lời nói dâm dục: Là nói đến hai đường tốt xấu.²²³

D. PHẠM TƯỚNG

Hoặc tự mình yêu cầu, hoặc sai người yêu cầu, hoặc hỏi, hoặc trả

208. Tăng kỳ: nói lời xấu xa, tùy thuận pháp dâm dục, như nam nữ thiếu niên. Căn bản: nói lời thô bỉ xấu xa, không đứng đắn, liên hệ pháp dâm dục, như vợ chồng. Pali, Vin.iii.128: Dutthullāhi vācāhi obhāseyya, yathā tam yuvā yuvatim mehunūpasanhitāhi, nói những lời thô tục giống như thiếu niên nam nữ.

209. Căn bản, nhiễm triền tâm 染纏心.

210. Pali, Vin.iii.128: Dutthullā nāma vācā vaccamaggapassāmaggamethunadhammappanisanyuttā vācā, những lời thô bỉ, là những lời liên hệ đến pháp dâm dục, liên hệ các đường đại, tiểu tiện.

lời, hoặc giải bày, hoặc nói năng, hoặc dạy, hoặc mắng.²²⁴

Tự mình yêu cầu: Như nói, cùng tôi nơi hai đường làm việc như vậy, như vậy, hoặc dùng bao nhiêu lời nói khác khác.

Sai người yêu cầu: Như nói, “Cầu mong Trời, Phạm, thủy thần, Ma-hê-thủ-la thiên... hộ trợ tôi cùng cô làm việc như vậy, như vậy.” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Hỏi: Như hỏi, “Đường đại tiểu tiện của cô ra sao? Cô với chồng cùng làm việc thế nào? Cô cùng người ngoài tư thông thế nào?” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Đáp: “Đường đại tiểu tiện của cô như vậy. Cô cùng chồng, người ngoài tư thông như vậy.” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Giải bày: Nói năng cũng như vậy.

Chỉ dạy: Như nói, “Tôi chỉ cho cô chăm sóc hai đường như vậy, cô có thể khiến cho chồng, người ngoài kính ái.” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Mắng: Như nói, “Cô hư hoại, mục nát, teo tóp, đọa lạc. Cô cùng với con lừa làm chuyện như vậy.” Hoặc bằng những lời khác chửi mắng người.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ một phen nói lời thô ác thì phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo lời nói thô ác nhiều hay ít, nói rõ ràng, thì mỗi mỗi đều phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay,²²⁵ thư, sai sứ giả, làm hiệu, khiến cho người nữ kia hiểu, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu, phạm Thâu-lan-giá. Trừ đường đại tiểu tiện ra, nói đẹp hay nói xấu về những chỗ khác, phạm Thâu-lan-giá. Đối với Thiên nữ, A-tu-la nữ, Dạ-xoa nữ, Long nữ, súc sanh cái có thể biến hình huỳnh môn, có hai hình, mà nói lời thô ác khiến cho đối tượng hiểu, phạm Thâu-lan-giá; không hiểu, phạm Đột-kiết-la. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ giả, làm hiệu, khiến cho các hạng nữ kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá; không hiểu, phạm Đột-kiết-la. Hưởng đến súc sanh không thể biến hình nói lời thô ác phạm Đột-kiết-la. Nếu hưởng về đàn ông nói lời thô ác, phạm Đột-

211. Thập tụng (T23n1435, tr.16a16), chín trường hợp phạm: Tấn (khen ngợi), hủy (chê bai), khát (xin), nguyện (yêu cầu), vấn (hỏi), phản vấn (hỏi ngược), biện (biện giải), giáo (chỉ dẫn), mạ (mắng chửi) 讚毀乞願問反問辦教罵. Căn bản (T23n1442, tr.684b4), chín trường hợp 九事: Nói đẹp, nói xấu, trực tiếp yêu cầu, phương tiện yêu cầu, hỏi thẳng, hỏi quanh co, dẫn sự, tán thán, sân chửi 謂善說惡說直乞方便乞直問曲問引事讚歎瞋罵. Pali, liên hệ đến hai đường, có 9 sự, như hai Luật bộ trên, dve magge ādissa vattampi bhanati, avattampi bhanati, yācatipi, āyācatipi, pucchati, panipucchati, ācikkhati, anusāsati, akkosati.

212. Hán: Chỉ ấn 指印, tức Pali: angulimuddikā, nhấn dùng làm tín vật.

kiết-la. Nếu Tỳ-kheo với ý dục nói lời thô ác, tưởng là nói lời thô ác, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nói lời thô ác, sanh nghi phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải lời thô ác, tưởng là lời thô ác, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải lời thô ác, mà nghi, phạm Thâu-lan-giá.

Nữ loài người, có ý tưởng đó là nữ loài người, Tăng-già-bà-thi-sa. Nữ loài người, nghi Thâu-lan-giá. Nữ loài người, tưởng nữ loài phi nhân, Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, tưởng là nữ loài người, Thâu-lan-giá.

Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu vì người nữ mà giảng pháp bất tịnh quán,²²⁶ như nói, này cô, nên biết, thân này có chín mụn ghẻ, chín lỗ, chín nơi rỉ chảy, chín dòng nước chảy. Chín lỗ là: Hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, đại, tiểu tiện đạo. Khi nói điều bất tịnh này, người nữ kia cho là lời thô ác. Hoặc khi nói Tỳ-ni, theo thứ tự nói đến việc này, người kia gọi là nói lời thô ác. Hoặc cầu học kinh, hoặc hai người đồng thọ; hoặc người kia hỏi, hoặc đồng tụng, hoặc vui giỡn nói chơi, hoặc nói một mình, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này, nhằm nói việc kia. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

IV. YẾU SÁCH CÚNG DƯỠNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Đức Thế Tôn chế giới: không được vọc âm xuất tinh, không được xúc chạm người nữ, - không được nói với người nữ những lời thô ác, bèn cầm cây gài cửa đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến, nói:

- Các cô có thể vào phòng tôi xem.

Khi dẫn họ vào phòng rồi, Ca-lưu-đà-di tự tán thân mình, nói:

- Các cô biết không, trong số người có học, tôi là người hạng nhất. Tôi là người phạm hạnh, trì giới, tu thiện pháp. Các cô có thể đem sự dâm dục cúng dường tôi.

Khi ấy, những người nữ bằng lòng thì vui vẻ trước những lời nói đó, còn những người không bằng lòng thì nổi sân mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức nên biết, nay tôi thấy phải điều sai quấy, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng

213. Nguyên Hán: Bất tịnh ố lộ quán 不淨惡露觀, xem Trường A-hàm 9, kinh Thập thượng (T1, tr.52a7, 8); Pali: asubha-bhāvanā.

đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay lại chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Khi ở tại nhà, chồng tôi nói lời như vậy, tôi còn không thể chấp nhận, huống chi nay là người xuất gia, mà lại nói những lời như thế.

Các Tỳ-kheo nghe; trong số đó có vị thiếu dục, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách Ca-lưu-đà-di, thầy há không nghe Thế Tôn chế giới, “Không được vọc âm xuất tinh”, “Không được xúc chạm người nữ”, “Không được nói với người nữ những lời thô ác” (nói đầy đủ như trước)... Họ bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngồi trong đại chúng, Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật người đã làm sự việc như vậy chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự việc đúng như vậy.

Đức Thế Tôn quả trách:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.”

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, đối trước người nữ tự khen thân mình, nói: “Này cô, tôi tu phạm hạnh, trì giới tinh tấn, tu tập pháp lành; cô nên đem sự dâm dục cúng dường tôi. Đó là sự cúng dường bậc nhất”; Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Ý dâm dục: Như trên đã nói.

Người nữ: Như trên đã nói.

Khen thân mình: Khen thân đoạn chánh, nhan sắc đẹp; - Tôi là Sát-đế-lợi, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn.

Phạm hạnh: Siêng tu lìa uế trước.

Trì giới: Không khuyết, không thủng, không nhiễm ô.

Pháp lành: Ủa ở nơi nhàn tịnh, đến giờ khát thực, mặc y phẩn tảo; tác pháp dư thực,²²⁷ cũng không ăn; ăn một lần ngồi,²²⁸ ăn một nắm; ngồi nơi bãi tha ma, nơi đất trống, dưới gốc cây, luôn luôn ngồi, chỉ ngồi; trì ba y; bối nặc,²²⁹ đa văn, hay thuyết pháp; trì tỳ-ni, tọa thiền.

C. PHẠM TƯỚNG

Sau khi tự khen ngợi mình như vậy rồi, nói rằng, hãy đến đây cúng dường tôi, trong đó không nói đến việc dâm dục, phạm Thâu-lan-giá; có nói việc dâm dục phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu trước người nữ, một lần tự khen thân mình là một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo sự tự khen thân mình nhiều hay ít, và nói một cách rõ ràng, mỗi mỗi đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư tín, sai sứ, làm hiệu khiến cho người kia hiểu, Tăng-già-bà-thi-sa. Họ không hiểu, Thâu-lan-giá.

Trừ hai đường, đòi hỏi cung phụng nơi khác, Thâu-lan-giá.

Đối với thiên nữ, A-tu-la nữ, Long nữ, Dạ-xoa cái, Nga quý cái, súc sanh cái có thể biến hình, mà tự khen thân mình, nếu các hạng nữ kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá; chúng không hiểu, Đột-kiết-la. Nếu dùng dấu tay thư tín, sứ giả, ra dấu hiệu để tự khen thân mình mà người kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá. Khen nói mà họ không hiểu, phạm Đột-kiết-la.

Đối với súc sanh không thể biến hình mà tự khen thân mình, phạm Đột-kiết-la.

Nữ loài người, tưởng là nữ loài người, Tăng-già-bà-thi-sa. Nữ loài người, nghi, phạm Thâu-lan-giá. Nữ loài người, có ý tưởng là nữ loài phi nhân, phạm Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, nghi, phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni phạm Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: Đây là chỗ diệu tôn tối thắng. Tỳ-kheo này tinh tấn trì giới, tu thiện pháp, các cô nên dùng thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ cúng dường bằng sự từ hoà của thân nghiệp, bằng sự từ hoà của khẩu nghiệp, bằng sự từ hoà của ý nghiệp. Ý của các người nữ kia cho rằng Tỳ-kheo vì ta nên

214. Nguyên Hán: Bất tịnh ố lộ quán 不淨惡露觀, xem Trường A-hàm 9, kinh Thập thượng (T1, tr.52a7, 8); Pali: asubha-bhāvanā.

215. Nhất tọa thực 一坐食, mỗi ngày chỉ ăn một bữa trong một lần ngồi. Tứ phần 14, tr.660a: Ba-dật-đê 35.

216. Bối nặc 喂匿; Pali. bhānaka, (người) đọc tụng, ca vịnh.

tự khen thân mình; hoặc khi nói tỳ-ni, ngôn thuyết có vẻ tương tự, mà người kia nói là tự khen ngợi thân mình; hoặc từ việc thọ kinh, tụng kinh; hoặc hai người cùng thọ tụng kinh; hoặc hỏi đáp; hoặc đồng tụng; hoặc nói giỡn; hoặc nói liến thoắng, nói trong mộng; hoặc muốn nói việc này nhằm việc khác, đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống khổ bức bách

V. MAI MỐI

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ.²³⁰ Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo tên là Ca-la,²³¹ trước đây là Đại thần của vua, biết rành về pháp thế tục. Vị ấy chuyên làm việc mai mối như vậy: Đến người nam nói chuyện người nữ; đến người nữ nói chuyện người nam. Thời bấy giờ, các cư sĩ trong thành La-duyệt muốn có việc giá thú, tất cả đều đến nhờ Ca-la. Ca-la trả lời: Để tôi đến nhà đó quan sát trước đã. Quan sát xong, Ca-la đến các nhà cư sĩ nói: Nhà người muốn cùng với gia đình đó làm sui gia thì cứ thực hiện theo ý muốn. Khi ấy, các cư sĩ theo lời hướng dẫn mà làm việc hôn thú. Các nam nữ làm việc cưới hỏi rồi, được vừa ý thì vui vẻ cúng dường khen ngợi, nói: Nên làm cho Ca-la thường được hoan lạc như chúng ta ngày nay. Vì sao? Vì nhờ Ca-la mà ta được hoan lạc như thế này. Mong Ca-la và các Tỳ-kheo khác cũng được cúng dường. Nếu, đôi nam nữ kia, sau khi cưới hỏi xong không được sự thích ý, họ bèn nói: Hãy làm cho Ca-la luôn luôn chịu khổ não như chúng ta ngày nay. Tại sao? Vì chính Ca-la khiến cho tôi làm việc cưới hỏi nên nay tôi mới chịu khổ não thế này. Mong cho Ca-la và các Tỳ-kheo cũng chịu sự khổ não; không được ai cúng dường. Khi ấy, các cư sĩ không tin Phật, Pháp, Tăng trong thành La-duyệt, đồn đãi nhau: Các người nếu muốn được làm sui gia với nhà giàu to, nhiều của cải lắm vật báu, thì nên đến nhờ Sa-môn Thích tử điều đó; tùy thời cúng dường thân cận cung kính thì có thể được như ý. Tại sao vậy? Sa-môn Thích tử này giỏi việc mai mối; biết người nam này có thể lấy người nữ kia; người nữ kia có thể cùng người nam này. Rồi các Tỳ-kheo nghe lời đồn đãi ấy; trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý quả trách Ca-

217. Ngũ phần, Tăng-kỳ, Thập tụng: Phật tại Xá-vệ. Căn bản: Thát-la-phiệt.

218. Ca-la 迦羅; Ngũ phần: Trưởng giả Ca-lưu 長者名迦留; Thập tụng: Ca-la, con của trưởng giả Lộc Tử 鹿子長者兒名曰迦羅; Căn bản: Trưởng giả Hắc Lộc Tử 黑鹿子. Pali: āyasmāudāyī sāvattihyam kulūpako hoti, trưởng lão Udāyī thường xuyên lai vãng một gia đình trong Sāvattihī.

la Tỳ-kheo: Sao lại đi làm mai mối người nam cho người nữ; người nữ cho người nam? Sau khi quở trách rồi, họ đến chỗ Đức Thế Tôn; đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên nầy tập hợp các Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà cố hỏi Ca-la:

- Có thật người đã làm sự việc như vậy chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự việc đúng như vậy.

Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VẤN

*Tỳ-kheo nào, tới lui bên này, bên kia làm mai mối; đem ý người nam nói với người nữ; đem ý người nữ nói với người nam; hoặc để thành vợ chồng, hoặc vì việc tư thông, cho đến chỉ trong chốc lát, Tăng-già- bà-thi-sa.*²¹⁹

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tới lui:²²⁰ khiến cho hai bên được hoà hợp.

Người nữ có hai mươi hạng:²²¹ mẹ giám hộ, cha giám hộ, mẹ cha giám hộ, anh giám hộ, chị giám hộ, anh chị giám hộ, tự mình giám hộ, pháp giám hộ, họ hàng giám hộ, tông thân giám hộ, tự nguyện làm tỳ nữ,²²² làm tỳ nữ để kiếm áo, tỳ nữ để nhận tiền của, tỳ nữ do hợp tác, tỳ

219. Ngũ phần, giới được kết hai lần: Lần đầu, Ca-lưu mai mối làm vợ chồng. Lần thứ hai, nhóm sáu Tỳ-kheo môi giới tư thông. Pali, học xứ này được kết hai lần. Lần đầu, do Udāyī mai mối làm vợ chồng. Lần thứ hai, do Udāyī mai mối cho tư thông.

220. Vãng lai, trong văn luật: Vãng lai bỉ thử 往來彼此. Ngũ phần: Hành môi pháp 行媒法; Thập tụng: Hành môi giá pháp 行媒嫁法; Tăng kỳ: Hành hoà hợp nam nữ 行和合男女. Pali: Saḍcarittam samāpajjeyya, hành động làm môi giới.

221. Ngũ phần: Nữ có mười hạng; nam có mười hạng. Thập tụng, mười bốn hạng nữ có giám hộ. Căn bản: Bảy hạng phụ nữ, mười trường hợp tư thông. Thập tụng: Mười bốn hạng nữ có giám hộ. Pali (Vin. iii. 139), 10 hạng nữ (không hay chưa chồng) và 10 loại vợ.

222. Hán: Tỳ 婢. Pali: Dāsī giải thích: Dāsī ceva hoti bhariyā ca, vừa là nô tỳ vừa là vợ.

nữ vì bị nước cuốn, làm tỳ nữ vì không nộp thuế, tỳ nữ bị thả,²³⁶ tỳ nữ cho khách, tỳ nữ do người khác giám hộ, tỳ nữ được từ biên phương.

- Mẹ giám hộ: Được giám hộ bởi mẹ.

- Cha giám hộ: Được giám hộ bởi cha.

- Cha mẹ giám hộ, anh giám hộ, chị giám hộ, anh chị giám hộ cũng như vậy.

- Tự mình giám hộ: Thân được tự tại.

- Pháp giám hộ: Tu hành phạm hạnh.²³⁷

- Hộ hàng giám hộ: Không được quan hệ với dòng họ thấp hơn.

- Tông thân giám hộ: Được canh chừng bởi tông thân.

- Tự nguyện làm tỳ nữ.²³⁸ Vui lòng làm tỳ nữ cho người khác.

- Làm nô tỳ để kiếm áo: Được trả giá bằng y phục.²³⁹

- Nô tỳ để nhận tiền của: Được trả giá thậm chí chỉ một đồng.

- Nô tỳ do hợp tác:²⁴⁰ Cùng sinh hoạt nghề nghiệp chung nhưng chưa làm lễ để thành vợ chồng.

- Nô tỳ vì bị nước cuốn: Được vớt lên khi bị nước cuốn.²⁴¹

- Nô tỳ vì không nộp thuế: Không lấy tiền thuế.

- Nô tỳ bị thả: Được mua lại, hay sinh từ trong nhà chủ.²⁴²

- Nô tỳ khách: Được tiền thuê để làm tôi tớ trong nhà.

- Nô tỳ do người khác giám hộ: Nhận tràng hoa của người để làm vật giao ước.

223. Phóng khứ tỳ 放去婢.

224. Ngũ phần: Pháp hộ 法護, xuất gia theo chánh pháp, tu hành phạm hạnh. Nên hiểu là người nữ được bảo vệ bởi luật pháp. Căn bản: Hữu pháp hộ 有法護, người nữ goá chồng, thủ tiết, không ai dám xâm phạm. Pali: Dhammarakkhitā nāma sahadhammikā rakkhanti gopenti issariyam kārenti vasam vattenti (Vin. iii. 139), được giám hộ bởi pháp, tức là, những bạn đồng pháp (=đồng đạo) bảo vệ, canh chừng, làm chủ, kiểm soát.

225. Tự lạc 自樂; Ngũ phần: Tự nhiệm 自任, người nữ sống theo sở thích. Tăng kỳ: Tuỳ ý trú 隨意住, người nữ giao ước sống với người nam theo ý muốn, khi nào không còn muốn sẽ tùy ý bỏ đi. Căn bản: Tự lạc phụ 自樂婦, hạng làm vợ do thân hành đi đến chỗ người nam mình thích, nói, - Tôi vui lòng làm vợ của ông. Pali: Chandavāsīnī nāma piyo piyam vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ cho mục đích ham muốn, tức là người yêu cầm giữ người yêu. Pali: Panavāsīnī nāma panam datvā vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ sau khi được cho áo.

226. Pali: Panavāsīnī nāma panam datvā vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ sau khi được cho áo.

227. Đồng nghiệp 同業; Thập tụng: Hiệp sinh 合生, đề nghị người nam hiệp chung tài sản để sống chung; Căn bản: Cộng hoạt 共活. Pali: Kammakārī, vợ như là người chấp tác.

228. Thập tụng: Thủy đắc 水得, người nam rót nước lên tay người nữ để xác nhận là vợ. Pali: odapattakīnī nāma udakapattam āmasitvā vāseti, người nữ bưng bát nước, sau khi người nam trao cho bình nước, rồi nhận làm vợ.

229. Phóng khứ tỳ 放去婢; Tăng kỳ 6 (T22, tr.273b7): Phóng ##, có hai. Hoặc bán: Theo pháp của nước Phả-lê, nếu không thích vợ nữa có thể đem bán. Hoặc ly hôn: Theo phép một số nước, nếu vợ chồng không yêu nhau nữa, đến quan nộp 3 tiền rưỡi và hai trường lụa thì có thể ly dị.

- Nô tỳ được từ biên phương: Do sự cướp đoạt mà được.²⁴³

Đó là hai mươi hạng.

Nam tử cũng có hai mươi loại như vậy.

D. PHẠM TƯỚNG

Người nam do mẹ giám hộ, và nữ do mẹ giám hộ, nhờ Tỳ-kheo làm sứ giả nói với người kia, nàng hãy làm vợ tôi, hoặc nói, nàng hãy tư thông với tôi, chốc lát hay trong một niệm. Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời bên này, đến nói bên kia; rồi nhận ý kiến bên kia, trở lại trả lời bên này, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự đến bên kia nói, sai sứ mang tin trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ đến nói, tự mang tin trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, cùng sai sứ đến nói, sai sứ mang tin trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự làm thư mang đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự làm thư mang đến bên kia, sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bằng dấu tay, bằng ra hiệu, cũng với bốn trường hợp như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, mang đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, mang đến bên kia; rồi sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang đến bên kia; rồi tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang thư đến bên kia; rồi sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, tự mang dấu tay, đến bên kia; rồi tự mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, tự mang dấu tay đến bên kia; rồi sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

230. Biên phương đắc 邊方得; Căn bản: Vương kỳ phụ 王旗婦. Pali: Dhajāhanā, vợ cướp được do chinh phạt.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang dấu tay đến bên kia; rồi tự mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang dấu tay đến bên kia; rồi sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bốn trường hợp ra hiệu cũng như vậy. Bốn trường hợp nhận lời cũng như vậy. Mười sáu trường hợp của dấu tay cũng như vậy. Mười sáu trường hợp của ra hiệu cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, tự mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, tự mang dấu hiệu trở lại trả lời, cũng có bốn trường hợp như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang dấu tay đến bên kia; rồi tự mang trở lại trả lời, cũng có bốn trường hợp như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, đến bên kia, trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa; tự nhận lời, đến bên kia, không trở lại trả lời, phạm Thâu-lan-giá.

Nếu cùng nói mà không nhận, đến bên kia nói, trở lại trả lời, Thâu-lan-giá.

Nếu nhận lời, không đến bên kia nói, không trở lại trả lời, Đột-kiết-la.

Nếu nghe nói, không đến bên kia nói, không trở lại trả lời, Đột-kiết-la.

Nếu không nhận lời, đến nói, không trả lại trả lời, Đột-kiết-la.

Nếu nói đã lấy người khác, hoặc nói đã đi chỗ khác, hoặc nói đã chết, hoặc nói bị giặc bắt đi, hoặc nói không có, tất cả Thâu-lan-giá.

Nếu có bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh bạch lại, càn tiểu, điên cuồng, bệnh trĩ, nơi đường (đại tiểu tiện) có nhọt mủ chảy mãi, trở lại trả lời như vậy, lời nói này Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo một lần làm môi giới cho người nữ, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo làm mai mối nhiều hay ít, nói rõ ràng, mỗi mỗi phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Nếu bằng thư, bằng dấu tay, hoặc ra hiệu, tới lui nói, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu ra hiệu mà người kia hiểu, Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu,

Thâu-lan-giá. Trừ hai đường, nói đến chi tiết nào trong thân phần để mai mối, phạm Thâu-lan-giá.

Đối với thiên nữ, A-tu-la nữ, Long nữ, Dạ-xoa nữ, Nga quỷ nữ, súc sanh cái có thể biến hình, huỳnh môn, hai căn, mà làm mai mối, nói rõ ràng, Thâu-lan-giá; không rõ ràng, Đột-kiết-la. Bằng thư, bằng dấu tay, bằng ra hiệu khiến cho người kia hiểu, Thâu-lan-giá; không hiểu, Đột-kiết-la. Đối với súc sanh không thể biến hình, làm mai mối, Đột-kiết-la. Làm mai mối nam, Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo tới lui làm mai mối với ý tưởng làm mai mối, Tăng-già-bà-thi-sa. Làm mai mối, nhưng nghi, Thâu-lan-giá. Làm mai mối với ý tưởng không phải mai mối, Thâu-lan-giá. Không làm mai mối mà nghi làm mai, Thâu-lan-giá. Người nữ mà nghi, Thâu-lan-giá. Nữ loài người mà tưởng nữ loài phi nhân, Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, mà tưởng là nữ loài người, Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, nghi, Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo mang thư của người đi nhưng không xem, Đột-kiết-la. Nếu vì bạch y làm sứ giả các việc khác, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đây là các trường hợp phạm.

Sự không phạm: Nếu nam nữ trước đã thông nhau mà sau ly biệt làm cho hòa hợp lại. Hoặc vì cha mẹ bệnh hoạn, hay bị giam hãm trong ngục, xem thư rồi mang đi. Hoặc vì Ưu-bà-tắc tín tâm tinh tấn mà bị bệnh, hoặc bị giam hãm trong ngục, xem thư rồi mang đi. Hoặc vì Phật, Pháp, Tăng, tháp, hoặc vì Tỳ-kheo bệnh, xem thư rồi mang đi. Những trường hợp như trên không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

VI. LẬP THẤT NHỎ²⁴⁴

A. DUYÊN KHỞI

Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ.²⁴⁵ Bấy giờ, Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các Tỳ-kheo người nước Khoáng dã,²⁴⁶ nghe Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá riêng, họ liền làm phòng xá lớn. Vì họ làm phòng

231. Pali, Vin. iii. 144, kunikāsikkhapadam.

232. Tăng kỳ: Phật tại tinh xá Khoáng dã 曠野精舍; Thập tụng: Phật tại A-la-ti quốc 阿羅毘國

233. Khoáng dã quốc 曠野國; Ngũ phần 3: A-trà-bệ ấp 阿茶脾邑; Thập tụng 3: A-tì-la Tỳ-kheo 阿羅毘比丘. Pali: ānavakā bhikkhū, các Tỳ-kheo người Ānavī, một thị trấn nằm giữa Sāvattihī (Xá-vệ) và Rājagaha (Vương-xá).

xá lớn nên đòi hỏi nhiều công sức. Các Tỳ-kheo ấy đi cầu xin khắp nơi, nói: Cho tôi công thợ khéo; cung cấp cho tôi xe cộ và người đánh xe; cung cấp cho tôi cây, gỗ, tre, tranh, giây cột, v.v...

Vì các Tỳ-kheo khát cầu quá phiền hà, nên các cư sĩ mỗi khi từ xa, thấy Tỳ-kheo đều quay xe tránh xa; hoặc lánh vào trong các đường hẻm, hoặc vào trong chợ búa, hoặc tự vào trong nhà, hay cúi đầu đi thẳng, không cho Tỳ-kheo thấy mặt. Tại sao vậy? Vì sợ Tỳ-kheo có sự khát cầu đòi hỏi.

Lại có một Tỳ-kheo Khoáng dã muốn xây cất phòng xá; bèn tự mình chặt lấy cây để làm. Vị thần nương ở nơi cây đó có nhiều con cháu, khởi ý nghĩ: Con cháu của ta đông, cây này là nơi che chở, nương tựa của ta, mà Tỳ-kheo này chặt phá. Ta phải đánh Tỳ-kheo này. Rồi thần cây nghĩ trở lại: Nay ta nếu trước không xét kỹ mà đánh Tỳ-kheo, sợ e trái đạo lý. Ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn, đem vấn đề này thưa rõ với Ngài. Nếu Đức Thế Tôn giáo sắc thế nào, ta sẽ phụng hành thế ấy. Nghĩ rồi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, đứng qua một bên và đem vấn đề thưa rõ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn khen ngợi:

- Lành thay, người đã không đánh vị Tỳ-kheo trì giới. Nếu đánh thì mắc tội vô lượng. Nay người nên đến dòng sông Hằng, nơi đó có một cây đại thọ tên là Ta-la. Vị thần nương ở cây đó vừa mạng chung. Người có thể cư ngụ ở nơi đó. Vị thần kia nghe xong, đành lễ dưới chân Đức Thế Tôn, nhiễu ba vòng, rồi biến mất.

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp²⁴⁷ từ nước Ma-kiệt, hướng dẫn chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người, cùng đến nơi thành Khoáng dã, nghỉ lại một đêm, sáng ngày đắp y, bưng bát vào thành khát thực, bước đi đoan nghiêm, mắt nhìn đứng đắn, cử chỉ đáng diệu cùng chúng có khác.

Khi ấy, trong thành, các cư sĩ xa thấy Tỳ-kheo bèn lánh vào đường hẻm, hay vào trong chợ búa, hoặc tự vào lại trong nhà, hoặc cúi đầu đi thẳng không cho Tỳ-kheo thấy mặt. Tôn giả Ca-diếp thấy sự việc như vậy, bèn hỏi một người:

- Các cư sĩ nơi đây tại sao thấy Tỳ-kheo tránh mặt, không cho Tỳ-kheo thấy?

Người ấy nói với Tôn giả Ca-diếp:

- Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các Tỳ-kheo khát cầu phương tiện nhiều nên gây phiền hà. Do vậy, mọi người đều tránh mặt.

234. Tăng kỳ, nt: Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Ca-diếp nghe như vậy rồi bùi ngùi không vui.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn từ thành La-duyệt dẫn một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến nơi thành Khoáng dã. Đến nơi, quý vị đều trải toà an toạ. Tôn giả Ca-diếp đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, đứng qua một bên, bày trống vai hữu, chấp tay, quỳ gối bạch Phật:

- Vừa vào thành khát thực, con thấy các cư sĩ, từ xa trông thấy các Tỳ-kheo, họ đều tránh mặt... (nói đầy đủ như trên).

Tôn giả thưa xong, lạy dưới chân Phật, nhiễu ba vòng, rồi ra khỏi thành Khoáng dã. Tại sao vậy? Vì sợ các Tỳ-kheo nơi thành khoáng dã sanh tâm thù hận. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo:

- Ta nhớ ngày trước, trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ này, có một vị thần đến nơi ta, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa với ta: “Đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo nơi khoáng dã làm phòng xá riêng. Các người khát cầu nhiều... (nói đầy đủ như trước).” Nay ta hỏi: Có thật các người làm phòng xá riêng, khát cầu nhiều như vậy chăng?

Các Tỳ-kheo trả lời:

- Sự thật như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo:

- Tại sao các người lấy cớ ta cho phép làm phòng xá riêng mà lại làm phòng xá lớn, để rồi đòi hỏi nhiều sự khát cầu phi pháp đối với vật khó kiếm?

Đức Thế Tôn quở trách các Tỳ-kheo kia rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia bên dòng sông Hằng này có một Phạm chí bện tóc,²⁴⁸ thường ở bên dòng sông, nhan sắc tiêu tụy, hình thể gầy còm. Bấy giờ ta đến đó, chào hỏi xong, hỏi: “Tại sao hình thể của ông gầy còm, nhan sắc tiêu tụy như thế?” Người kia trả lời Ta: “Trong nước sông này có một Long vương tên là Ma-ni-kiền-đại.²⁴⁹ Mỗi lần ra khỏi cung, nó đến chỗ tôi. Thân nó quấn quanh mình tôi. Đầu nó che trên tôi. Khi ấy, tôi nghĩ: Tánh của loài rồng rất bạo, sợ nó hại mạng tôi. Vì sự lo sợ này mà thân thể gầy còm, nhan sắc tiêu tụy thế này.”

- Khi ấy Ta hỏi vị Phạm chí kia: “Người có muốn khiến con rồng đó thường ở trong nước, không đến chỗ người hay không?”

- Phạm chí kia nói: “Thật sự tôi muốn con rồng đó đừng đến chỗ

235. Để bản: Lãi kế 蠡髻; Tống-Nguyên-Minh: Loa kế 螺髻. Pali: Dve bhātaro isayo, hai anh em Tiên nhân.

236. Ma-ni-kiền-đại 摩尼鞞大. Pali: Mankattho nāgarājā, Long vương Manikamha.

tôi.”

- Ta liền hỏi Phạm chí: “Con rồng kia có chuỗi anh lạc²⁵⁰ hay không?”

- Phạm chí đáp: “Dưới cổ nó có chuỗi ngọc châu anh lạc rất tốt.”

- Đức Phật nói với Phạm chí: “Nếu con rồng kia, khi ra khỏi nước, đến chỗ người, người nên đứng dậy tiếp đón và nói: Long vương, hãy chờ! Hãy mang chuỗi anh lạc dưới cổ cho tôi. Nói xong rồi thì đọc kệ:

*Nay ta cần chuỗi ngọc
Anh lạc dưới cổ người
Hãy tỏ lòng tin ưa
Cho ta viên ngọc đó.”*

- Phạm chí ghi nhớ lời của Ta. Sau đó, khi Long vương từ trong nước ra, đến chỗ Phạm chí. Từ xa, Phạm chí trông thấy, liền đứng dậy nghinh đón và nói: “Hãy chờ chút, này Long vương! Xin vui lòng đưa cho tôi chuỗi ngọc dưới cổ.”

- Phạm chí nói xong thuyết kệ:

*Nay ta cần chuỗi ngọc
Anh lạc dưới cổ người
Hãy tỏ lòng tin ưa
Cho ta viên ngọc đó.*

- Long vương bèn trả lời Phạm chí bằng bài kệ:

*Của báu tôi có được
Do từ viên ngọc này
Ông lại muốn cầu xin
Thôi không gặp nhau nữa.
Đoan chánh, đẹp, tinh sạch
Xin ngọc khiến tôi sợ
Thôi không gặp nhau nữa
Cho ông ngọc làm gì?*

- Long vương tức thời trở lại cung, không xuất hiện đến nữa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Xin nhiều người không ưa
Xin quá thành thù ghét
Phạm chí xin ngọc rồng
Rồng không trở lại nữa!*

- Tỳ-kheo, các người nên biết, cho đến súc sanh còn không ưa người xin, huống là đối với loài người, xin nhiều không nhàm chán mà

237. Anh lạc 瓔珞; Ngũ phần 2, hạt ngọc ma-ni 摩尼珠. Pali: Ngnc mani.

không làm cho chán ghét? Tỳ-kheo Khoáng đã là người ngu si, riêng làm phòng xá lớn, có quá nhiều yêu sách... (nói đầy đủ như trước).

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia, một thuở nọ, ta ở nơi vườn Cấp-cô-độc, trong rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Khi ấy, có một Tỳ-kheo²⁵¹ đến chỗ ta, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi qua một bên, ta hỏi thăm uỷ lạo rằng, “Các người sống có được an ổn không? Không khổ vì sự khát thực chăng?”

- Tỳ-kheo ấy trả lời: “Chúng con sống được an ổn, không phải gặp sự khó khăn vì khát thực. Nhưng con ở trong rừng, có một điều lo ngại chính là, vào nửa đêm bọn chim kêu la bi thảm, làm rối loạn định tâm của con. Con khốn đốn vì việc này.”

- Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo: “Các ông có muốn bầy chim này không đến nơi rừng này nghỉ đêm nữa hay không?”

- Tỳ-kheo thưa với Đức Phật: “Thật sự chúng con không muốn bầy chim ấy trở lại nghỉ đêm nơi rừng này nữa.”

- Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các ông rình, khi nào bầy chim trở lại nghỉ đêm, nói với chúng nó rằng, Cho ta xin hai cái cánh, ta có việc cần dùng nó.”

- Lúc ấy,²⁵² các Tỳ-kheo kia sau khi ghi nhớ lời dạy của Ta, bèn rình khi bầy chim kia trở lại nghỉ đêm nơi rừng; vào lúc nửa đêm, đến chỗ bầy chim kia, nói, “Nay ta cần dùng hai cái cánh của người, người đem cho ta đi!”

- Khi ấy, bầy chim, nghĩ thâm, “Tỳ-kheo này xin ta như vậy.” Nghĩ xong, liền bay ra khỏi rừng, từ đó không trở lại nữa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông nên biết, cho đến loài cầm thú còn không thích bị người xin, huống là đối với người cầu xin đòi hỏi nhiều, mà không sinh chán ghét sao?

- Tỳ-kheo Khoáng đã là người ngu si, làm phòng xá lớn riêng, có qua nhiều yêu sách... (nói đầy đủ như trước).

Rồi Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia có con trai nhà tộc tánh, tên là Lại-tra-bà-la,²⁵³ xuất gia hành đạo cho đến đối với nhà của cha mẹ mà cũng hoàn toàn không đến xin. Khi ấy, ông cha nói với Lại-tra-bà-la:

238. Tăng kỳ 6: Tỳ-kheo tên Bạt-cừ 跋𡇗.

239. Để bản in thừa mấy chữ: Tỳ-kheo báo ngôn 比丘報言 𡇗.

240. Lại-tra-bà-la 賴吒婆羅, tức Lại-tra-hoà-la trong Trung A-hàm 31, con nhà phú hộ ở Xá-vệ, điển hình cho tín tâm bất động của thanh niên con nhà giàu có, quyết tâm xuất gia (T1, tr.623a). Cf. Pali, Ratthapāla-sutta, M.ii.54ff.

- Con biết chẳng, ta tự nghiệm xét, ít có người không đến nhà cha xin. Con là con của cha, tại sao không đến nhà cha để xin?

- Khi ấy, Lại-tra-bà-la nói kệ cho cha nghe:

Cầu nhiều, người không ưa.

Cầu không được, sinh oán.

Cho nên con không xin,

Sợ sanh thêm bớt vậy.

- Tỳ-kheo nên biết, Lại-tra-bà-la, đối với nhà của cha mình còn không đến xin, huống là các Tỳ-kheo, đối với nhà cư sĩ, lại đến khát cầu đòi hỏi nhiều, khiến cho họ không ưa.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo khát cầu phi thời, khát cầu không biết chán, khát cầu bất chánh. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi sự khát cầu đúng thời, khát cầu một cách vừa phải, khát cầu chân chánh; rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Khoáng đã là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, tự khát cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật. Phải mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bứt lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bứt lối, tự khát cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến để chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng định, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tự khát cầu: Vị kia khát cầu yêu sách chỗ này chỗ kia.

Thất:²⁵⁴ Tức là phòng.

Không có chủ:²⁵⁵ Không có một người, hai người, hay nhiều người đứng ra cất.

Tự làm cho mình:²⁵⁶ Tự mình tìm cầu, tự mình làm lấy.

241. Nguyên Hán: ốc 屋, nhà. Ngũ phần 2 (T22, tr.14a20): Phòng 房, mà bên trong có thể đi, đứng, nằm, ngồi. Thập tụng: Xá, 舍, nhà ấm, nhà mát, điện đường, lầu gác, v.v... Pali (Vin. iii.

149): Kuni, túp lều, hay chòi tranh.

242. Ngũ phần 2: Không có chủ, nghĩa là không có đàn-việt (thí chủ).

243. Tự vị kỹ 自為己. Ngũ phần 2: Vị thân 為身, làm cho mình, không phải cho người khác, hay

Đúng lượng: Dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật.²⁵⁷

Chỗ nguy hiểm:²⁵⁸ Là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo không bị các loài trùng kiến hay các loài thú gây náo hại, thì nên dọn khu đất cho bằng phẳng; hoặc có gốc cây, đá, gai gốc, thì hãy sai người đào bỏ. Hoặc có hang, hầm, mương, rãnh, ao, ngòi, thì hãy cho người lấp đi. Hoặc sợ nước ngập, hãy làm đê để chắn. Hoặc chỗ đất có người nói là của họ, thì nên cùng xử đoán, chớ để người khác tranh cãi. Đó gọi là chỗ nguy hiểm.

Chỗ bị bít lối:²⁵⁹ Nghĩa là nơi không đủ cho chiếc xe chở cỏ²⁶⁰ quay đầu để tới lui, như vậy gọi là chỗ bị bít lối.

Tỳ-kheo này xem coi, nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chắm đất, chấp tay tác bạch:²⁶¹

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., tự khát cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình. Nay tôi đến trong Tăng cầu xin biết cho đó là chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối.

Bạch như vậy ba lần.

Bấy giờ, chúng Tăng nên quan sát Tỳ-kheo này có thể tin cậy được không? Nếu có thể tin cậy thì nên cho phép cất. Nếu không thể tin cậy thì tất cả chúng Tăng nên đến nơi đó để xem xét. Nếu chúng Tăng không thể đi thì nên sai vị Tăng nào²⁶² có thể tin cậy đến đó để quan sát. Nếu nơi đó có nguy hiểm, bị bít lối thì không nên cho. Nếu không có

làm cho Tăng.

244. Tăng kỳ 6 (T22n1425, tr.277c25): Trường 長 (dài), tức chiều dọc; quảng 廣 (rộng), tức chiều ngang. Tu-già-đà chích thủ 修伽跏擦手, gang tay Phật (Thiện Thệ), bằng 2 thước 4 tấc. Căn bản: Gang tay Phật gấp ba người thường. 12 gang tay người thường có 18 khuỷu. Pali: Vi-datthati = Skt. vitasti = 12 lóng tay, khoảng 9 inch.

245. Nạn xứ 難處; Ngũ phần: Chỗ ngã tư đường nhiều người tụ tập; chỗ dâm nữ, chợ búa... Pali: Sārambha, chỗ có nguy hiểm.

246. Phương xứ 妨處; Thập tụng 3 (T23n1435, tr.20c18): Đất chung quanh túp lều ấy trong phạm vi một tầm mà là đất có tháp, đất của quan, của cư sỹ, ngoại đạo, trú xứ ni; có đá lớn, sông suối, hầm hố v.v... gọi là phương xứ. Tăng kỳ 6 (T22, tr.278b9): Phi phương xứ, thất có bên phía, mỗi bên đủ chỗ cho cái thang 12 nấc 十二栳梯 卍 mà khoảng cách giữa 2 nấc là 1 khuỷu. Ngũ phần 2 (T22, tr.14a29): Hữu hành xứ 有行處, chỗ có lối đi. Căn bản 12: Hữu tranh cạnh 有諍競, đất có tranh chấp, gần đó có quan sở, có nhà trưởng giả, nhà ngoại đạo, chùa ni... Pali: aparikkamma, chỗ không có lối đi.

247. Thảo xa 草車; Pali: yuttana sakanena, xe tải có bò kéo.

248. Tăng kỳ 2: Trước làm cầu thỉnh yết-ma, tức đề nghị Tăng họp để giải quyết đề nghị của Tỳ-kheo hữu sự. Sau đó mới xin khát cầu yết-ma, nêu đề nghị Tăng giám sát việc cất thất hợp pháp.

249. Tăng kỳ 2: yết-ma Tăng sai, cử Tỳ-kheo đại diện, tối đa 3 người. Tứ phần và Ngũ phần, không có văn yết-ma Tăng sai.

nguy hiểm mà bị bít lối thì cũng không nên cho. Nơi có nguy hiểm mà không bị bít lối cũng không cho. Chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối mới cho. Nơi chốn đã ổn định như vậy rồi, trong chúng sai một người có khả năng tác yết-ma. Vị ấy có thể là thượng tọa, thứ tọa, hoặc tụng luật hay không tụng luật, nên tác bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., tự khát cầu để cất thắt, tự cất không có thí chủ. Nay đến trước chúng Tăng xin chỉ định nơi chốn là nơi không nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, chỉ định nơi chốn không nguy hiểm, không bị bít lối cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., tự khát cầu để cất thắt, tự cất cho mình, không có thí chủ. Nay, Tỳ-kheo này đến trước Tăng xin chỉ định nơi chốn²⁶³ là nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Nay, Tăng chỉ định nơi chốn cho Tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng nay chỉ định nơi chốn cho Tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối, thì im lặng. Ai không chấp nhận, xin nói.

Tăng đã chỉ định nơi chốn cho Tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

D. PHẠM TUỞNG

Vị Tỳ-kheo cất phòng nên biết, từ khi khởi công đặt đá, đắp đất, hay vất bùn, cho đến khi trét bùn sau cùng, hoàn thành toàn bộ, mà không được Tăng chỉ định nơi chốn, làm quá lượng, nơi nguy hiểm, bị bít lối: Phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, nhưng không bị bít lối: Hai Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, tuy nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, tuy không cất quá lượng, nhưng cất nơi nguy hiểm, bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi nguy hiểm, không bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

250. Hán: Dữ xử phân 與處分; Pali: Kunivatthudesana, chỉ định chỗ có thể cất thắt.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, tuy cất nơi có nguy hiểm nhưng không bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng; nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi có nguy hiểm nhưng không bị bít lối: Một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: Một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, nơi không nguy hiểm, không bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tăng Tỳ-kheo không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, bị bít lối, tự cất thất, hoàn thành, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la; cất mà không thành, phạm hai Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la.

Nếu sai bảo người khác cất, thành thì phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la;²⁶⁴ không thành thì phạm hai Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la. Nếu vì người khác cất thất, mà thành thì phạm hai Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la; không thành, phạm bốn Đột-kiết-la.

Nếu khi cất thất mà dùng dây đo đất đúng lượng, nhưng người cất quá lượng, thì người cất phạm. Nếu Tỳ-kheo sai người đặt dây mực để cất, người nhận lời sai bảo nói: Cất như pháp, mà cất quá lượng thì người nhận lời ấy phạm. Nếu người ấy lại sai bảo người khác coi theo dây mực và được làm như pháp, không báo trở lại mà cất thì phạm. Nếu sai người đặt dây mực mà cất tức là cất như pháp; người dạy không hỏi có nên như pháp cất không? Người dạy phạm.

Nếu Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng không chỉ định nơi chốn, nghi, Thâu-lan-giá. Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng Tăng chỉ định nơi chốn, Thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, có ý tưởng Tăng không chỉ định nơi chốn, Thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, có nghi, Thâu-lan-giá. Cất quá lượng cũng như vậy.

Nếu có nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm, Đột-kiết-la. Có nguy hiểm, nghi, Đột-kiết-la. Có nguy hiểm, tưởng không nguy hiểm, Đột-kiết-la. Không nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm, Đột-kiết-la. Không nguy hiểm, nghi, Đột-kiết-la. Nơi bị bít lối cũng như vậy.

251. Pali, Vin.iii.153: Tỳ-kheo sai bảo người cất thất, chỗ không được Tăng chỉ định, chỗ có nguy hiểm, không có lối đi, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cát đúng lượng, cát giảm lượng, Tăng chỉ định nơi chốn, nơi không nguy hiểm, nơi không bị bít lối, đo như pháp. Hoặc vì Tăng mà cát, vì Phật mà cát, cát làm giăng đường, am bằng cỏ, am bằng lá, hoặc cát thật nhỏ đủ ở dung thân, hoặc cát cho nhiều người ở, đó gọi là không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

VII. CÁT CHÙA LỚN²⁶⁵

A. DUYÊN KHỞI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cừ-sư-la,²⁶⁶ tại nước Câu-thiểm-di.²⁶⁷ Khi ấy, vua Ưu-điền²⁶⁸ nói cùng Tôn giả Xiển-đà,²⁶⁹ là bạn tri thức thân hữu:

- Tôi muốn làm cho ngài một cái nhà. Ngài muốn cái nhà đó đẹp như thế nào cũng được. Địa điểm nào tốt có thể xây cất phòng xá, cũng tùy ý ngài chọn.

Tôn giả trả lời:

- Tốt đẹp thay!

Bấy giờ, gần thành Câu-thiểm-di có cây thần là Ni-câu-luật.²⁷⁰ Nhiều người qua lại, cũng như voi ngựa xe cộ thường nghỉ mát dưới gốc cây đó. Tôn giả Xiển-đà đến chặt cây kia để cất nhà lớn. Các cư sĩ thấy vậy, đều chê trách: Sa-môn Thích tử không có tầm quý, đoạn mạng chúng sanh. Bên ngoài tự xưng rằng ta biết Chánh pháp. Như vậy làm gì có Chánh pháp. Cây đại thọ tốt đẹp như vậy, nhiều người tới lui, voi, ngựa, xe cộ thường nghỉ mát dưới gốc cây đó, mà lại đến chặt để làm nhà lớn.

Lúc ấy, trong số các Tỳ-kheo nghe được, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Xiển-đà: Cây đại thọ tốt như vậy, nhiều người tới lui, voi ngựa xe cộ thường đến nghỉ mát dưới gốc cây, sao lại đến chặt để làm nhà lớn?

252. Căn bản 12 (T23n1442, tr.689a24): Tạo đại tự 造大寺. Tăng kỳ: Đại phòng xá 大房舍. Pali, Vin. iii. 155: Vihārakāra, làm tinh xá.

253. Cừ-sư-la 瞿師羅. Pali: Ghositārāma.

254. Câu-thiểm-di 拘睒彌, Ngũ phân3: Câu-xá-di 拘舍彌. Căn bản 12: Kiêu-thiểm-tì 憍閃毘

255. Ưu-điền 優填. Tăng kỳ 6: Có thí chủ tên A-bạt-tra 阿跋吒. Pali không đề cập tên vua. Theo các tài liệu Pali, thời Phật, vua nước Kosambī là Parantapa; người kế vị là Udena.

256. Xiển-đà 闍陀. Thập tụng: Xiển-na 闍那. Pali: Channa.

257. Ni-câu-luật thần thọ 尼拘律神樹. Pali: Cetiya-rukkham, cây có miếu thần.

Các Tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình lên Đức Phật, một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố ý hỏi Xiển-đà:

- Có thật người đã làm sự việc như vậy chăng?

Xiển-đà thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự việc đúng như vậy.

Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VẤN

Tỳ-kheo nào, muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bú lồi. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bú lồi, cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến để chỉ định nơi chốn, Tăng-già- bà-thi-sa.

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Lớn: Dùng nhiều tiền của và vật liệu.²⁷¹

Có chủ: Hoặc một, hai hoặc số đông người.

Làm cho mình: Vì thân mình mà làm.

Chỗ nguy hiểm: Là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo không bị các loài trùng kiến hay các loài thú gây náo hại, thì nên dọn khu đất cho bằng phẳng; hoặc có gốc cây, đá, gai góc, thì hãy sai người đào bỏ. Hoặc có hang, hầm, mương, rãnh, ao, ngòi, thì hãy cho người lấp đi. Hoặc sợ nước ngập, hãy làm đê để chắn. Hoặc chỗ đất có người nói là của họ, thì nên cùng xử đoán, chớ để

258. Pali, Vin. iii. 156: Mahallako nāma vihāro sassāmiko vuccati, tinh xá có thí chủ làm cho được xem là lớn.

người khác tranh cãi. Đó gọi là chỗ không bị nguy hiểm.

Chỗ bị bít lối: Nghĩa là nơi không đủ cho chiếc xe chở cỏ²⁷² quay đầu để tới lui, như vậy gọi là chỗ bị bít lối.

Tỳ-kheo này xem coi, nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chাম đất, chấp tay tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến trước Tăng, xin chỉ định cho chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Bấy giờ, chúng tăng nên quan sát Tỳ-kheo này có thể tin cậy được không? Có trí tuệ không? Nếu có thể tin cậy, có trí tuệ, thì nên tác yết-ma cho phép cất. Nếu không thể tin cậy, không có trí tuệ, thì nên cử một số Tỳ-kheo, hoặc sai Tỳ-kheo có trí tuệ, đáng tin cậy, đến nơi đó để xem xét. Nếu nơi đó có nguy hiểm, bị bít lối thì không nên cho. Nếu không có nguy hiểm mà bị bít lối thì cũng không nên cho. Nơi có nguy hiểm mà không bị bít lối cũng không cho. Chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối mới cho. Nơi chốn đã ổn định như vậy rồi, trong chúng sai một người có khả năng như đã nói tác yết-ma. Nên tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến trước Tăng xin chỉ định nơi không nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận chỉ định cho Tỳ-kheo tên là..., chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Đây là lời tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến Tăng xin chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Chư đại đức nào chấp thuận Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối thì im lặng; ai không đồng ý xin nói. Tăng đã thuận cho Tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối rồi, nên im lặng. Việc ấy ghi nhận như vậy.

D. PHẠM TUỞNG

Vị Tỳ-kheo cất phòng nên biết, từ khi khởi công đặt đá, đắp đất, hay vất bùn, cho đến khi trét bùn sau cùng, hoàn thành toàn bộ, mà không được Tăng chỉ định nơi chốn, nơi nguy hiểm, bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

259. Thảo xa 草車; Pali: yuttana sakanena, xe tải có bò kéo.

Tăng không chỉ định nơi chốn, chỗ có nguy hiểm nhưng không bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ nơi chốn mà cất nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn mà cất nơi có nguy hiểm, bị bít lối, phạm hai Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn mà cất nơi có nguy hiểm, nhưng không bị bít lối, phạm một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, mà cất nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, nhưng cất nơi không nguy hiểm, không bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo, Tăng không chỉ định nơi chốn, nơi có nguy hiểm, bị bít lối, cất phòng lớn, có thí chủ cất cho mình, cất xong, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la; cất không thành, phạm một Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la. Nếu sai bảo người cất thì phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la; không thành phạm một Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la. Vì người khác khởi công xây cất nhà mà hoàn thành thì phạm một Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la; cất mà không thành phạm ba Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng không chỉ định nơi chốn, sanh nghi, phạm Thâu-lan-giá. Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng là chỉ định nơi chốn, phạm Thâu-lan-giá.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm Thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, sanh nghi, phạm Thâu-lan-giá. Có nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm; bị bít lối, tưởng có bị bít lối, đều cũng dùng năm câu như vậy.

Tỳ-kheo-ni, Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Tăng chỉ định nơi chốn, cất nơi không nguy hiểm, không bị bít lối, vì Tăng, vì Phật đò, giảng đường, am bằng tranh, am bằng lá, cái thất nhỏ đủ dung thân, vì nhiều người xây cất thất thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

VIII. VÔ CẢN BẢNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, có Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử²⁷³ đắc A-la-hán, đang thiền tọa tư duy tại chỗ thanh vắng, tâm tự nghĩ: Thân này không bền chắc. Nay ta nên dùng phương tiện nào để tìm cầu sự bền chắc? Tôn giả lại nghĩ: Nay ta nên tận lực cúng dường bằng cách phân phối ngọa cụ trong Tăng và theo thứ lớp mời Tăng đi phó trai chăng?

Khi ấy, vào buổi xế chiều, Đạp-bà-ma-la Tử rời khỏi chỗ thiền tịnh, sửa lại y phục, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Vừa rồi, khi đang thiền tọa tư duy tại chỗ thanh vắng, con tự nghĩ: “Thân này không bền chắc. Nay ta nên dùng phương tiện nào để tìm cầu sự bền chắc? Ta có nên tận lực cúng dường bằng cách phân phối ngọa cụ trong Tăng và theo thứ lớp mời Tăng đi phó trai chăng?”

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên sai Đạp-bà-ma-la Tử làm người phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi thọ thực.

Bạch nhị yết-ma, trong chúng nên sai người có khả năng như đã nói, tác bạch như vậy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay Tăng sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi thọ thực. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai, thì im lặng; ai không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai rồi, nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Lúc ấy, Đạp-bà-ma-la Tử liền vì Tăng phân phối ngọa cụ. Những vị cùng ý hưởng thì thành cộng đồng:²⁷⁴ A-luyện-nhã cộng đồng với A-luyện-nhã, khát thực²⁷⁵ cộng đồng với khát thực, nạp y cộng đồng với

260. Đạp-bà-ma-la Tử 沓婆摩羅子; Ngũ phần 3, Đà-bà Lực Sỹ Tử 陀婆力士子; Tăng-kỳ, Đà-phiêu Ma-la Tử 陀驃摩羅子; Thập tụng 4, Đà-phiêu Lực Sỹ Tử 陀驃力士子 Û; Căn bản 13, Thất Lực Tử 實力子 Û. Pali: Dabba Mallaputta.

261. Đồng ý (Tỳ-kheo) 同意者. Pali (Vin. iii. 159): Sabhāgānān bhikkhūnam, những Tỳ-kheo chung trong một nhóm.

262. Tỳ-kheo chỉ hành khát thực, không nhận thí chủ mời: Một hạnh đầu đà.

nap y,²⁷⁶ không làm pháp dư thực cộng đồng với không làm pháp dư thực,²⁷⁷ nhất tọa thực cộng đồng với nhất tọa thực, ăn một vắt cộng đồng với ăn một vắt, ngồi nơi gò mả cộng đồng với ngồi nơi gò mả, ngồi nơi chỗ trống cộng đồng với ngồi nơi chỗ trống, ngồi dưới bóng cây cộng đồng với ngồi dưới bóng cây, thường ngồi cộng đồng với thường ngồi, tùy tọa cộng đồng với tùy tọa, ba y cộng đồng với ba y, bối-nặc²⁷⁸ cộng đồng với bối-nặc, đa văn cộng đồng với đa văn, pháp sư cộng đồng với pháp sư, trì luật cộng đồng với trì luật, tọa thiền cộng đồng với tọa thiền.

Bấy giờ, nơi La-duyệt-kỳ có Tỳ-kheo khách đến, Đạp-bà-ma-la Tử liền theo thứ tự thích hợp phân phối ngọa cụ. Khi ấy có một trưởng lão Tỳ-kheo, xắm chiếu, lên núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử từ nơi tay phát ra ánh sáng để phân phối ngọa cụ. Tôn giả nói:

- Đây là phòng. Đây là giường dây. Đây là giường cây. Đây là nệm lớn, nệm nhỏ. Đây là gối nằm. Đây là đồ trải đất. Đây là ống nhỏ. Đây là đồ đựng nước tiểu. Đây là nơi đại tiện. Đây là tịnh địa. Đây là bất tịnh địa.

Đức Thế Tôn khen ngợi:

- Trong hàng đệ tử của ta, người phân phối ngọa cụ cho Tăng, Đạp-bà-ma-la Tử là đệ nhất.

Khi ấy, có Tỳ-kheo Từ Địa²⁷⁹ đến thành La-duyệt. Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tỳ-kheo khách, tùy theo thứ bậc thích hợp, kể từ hàng Thượng tọa. Tỳ-kheo Từ Địa kia là bậc hạ tọa ở trong chúng, nên nhận được phòng xấu, ngọa cụ xấu. Từ Địa bèn nổi sân nhuế, nói: “Đạp-bà-ma-la Tử thiên vị, ưa thích người nào thì phân phối phòng tốt, ngọa cụ tốt. Người nào không ưa thích thì trao phòng xấu, ngọa cụ xấu. Tại sao chúng tăng lại sai người có sự thiên vị như vậy mà phân phối ngọa cụ của Tăng?”

Sáng hôm sau, Đạp-bà-ma-la Tử, mời chư Tăng theo thứ tự đi phó trai.

Khi ấy, trong thành La-duyệt, có một đàn-việt thường mỗi năm lại

263. Chỉ Tỳ-kheo trì y pháp tảo: Một hạnh đầu đà.

264. Nghĩa là, Tỳ-kheo ăn xong rồi, không ăn thêm nữa, dù ăn chưa đủ no.

265. Bối nặc 𧄂𧄂; xem ch.ii, cht.39

266. Từ Địa 慈地, theo văn, hình như một người. Nhưng khi dùng các đại từ, văn Hán dịch nói ngã đẳng 我等 hay như đẳng 汝等. Như vậy, Từ Địa không chỉ một Tỳ-kheo, mà chỉ một nhóm Tỳ-kheo. Ngũ phần 3: Từ Địa huynh đệ 慈地兄弟, nghĩa là hai người. Tăng kỳ 7: Nhóm sáu Tỳ-kheo. Thập tụng 4: Di-đa-la-phù-ma 彌多羅浮摩, một người. Căn bản 13: Hai Tỳ-kheo Thiện Hữu và Đại Địa 善友大地. Pali: Mettiyahummajakā bhikkhū, các Tỳ-kheo đồng bọn của Mettiya và Bhummaka, trong nhóm sáu Tỳ-kheo.

thết một bữa cơm ngon để cúng dường Tăng. Từ Địa Tỳ-kheo hôm ấy đến phiên được mời đến đó. Nhà đàn-việt kia nghe Từ Địa Tỳ-kheo sẽ đến thọ thực theo thứ tự. Họ bèn trải phụ cụ tộ xấu ngoài ngõ để đón, tọa cụ và thức ăn cũng tộ tộ dùng để thiết đãi. Tỳ-kheo Từ Địa nhận được thức ăn xấu như vậy lại càng sân nhuế, nói:

- Đạp-bà-ma-la Tử thiên vị, ưa thích người nào thì phân phối phòng tốt, ngọa cụ tốt. Người nào không ưa thích thì trao phòng xấu, ngọa cụ xấu. Ông không ưa chúng tôi nên trao cho tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Sáng hôm nay vì không thích chúng tôi nên lại mời chúng tôi đến thọ thức ăn tồi. Tại sao chúng tăng lại sai Tỳ-kheo có thiên vị như vậy là người vì Tăng phân phối ngọa cụ và mời Tăng đi phó trai?

Bấy giờ, trong thành La-duyệt, có một Tỳ-kheo-ni tên là Từ,²⁸⁰ em gái của Tỳ-kheo Từ Địa, nghe Tỳ-kheo Từ Địa đến thành La-duyệt, liền đến chỗ Tỳ-kheo thăm hỏi:

- Đi đường xa có mệt nhọc không? Có vất vả lắm không?

Với những lời thăm hỏi tốt đẹp như vậy, mà Tỳ-kheo Từ Địa làm thanh không trả lời. Cô Tỳ-kheo-ni hỏi:

- Thưa Đại đức! Em có lỗi gì mà Đại đức không đáp?

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

- Cần gì nói chuyện với cô? Tôi đang bị Đạp-bà-ma-la Tử quấy nhiễu, mà cô không thể trợ giúp tôi.

Cô Tỳ-kheo-ni hỏi:

- Muốn em làm những phương tiện gì để khiến Đạp-bà-ma-la Tử không quấy nhiễu Đại đức?

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

- Cô chờ khi nào Phật và Tăng Tỳ-kheo họp, đến giữa chúng nói như vậy: “Thưa Chư Đại đức! Thật là điều không thiện, không thích hợp, không tốt đẹp, không tùy thuận, điều không nên, không hợp thời! Tôi vốn nương vào nơi không có sự sợ sệt, sự ưu não, tại sao ngày nay lại sanh sợ sệt ưu não? Tại sao trong nước lại sanh ra lửa? Đạp-bà-ma-la Tử này đã phạm đến tôi.” Chúng Tăng liền hòa hợp làm pháp diệt tận. Như vậy, y không còn đến gây quấy nhiễu anh nữa.

Cô Tỳ-kheo-ni nói:

- Điều này có khó gì? Em có thể làm được.

Rồi thì, Tỳ-kheo-ni Từ đến giữa Tăng,... được nói như trên.²⁸¹

Lúc ấy, Đạp-bà-ma-la Tử ngồi cách Đức Phật không xa. Đức Thế

267. Từ 慈. Pali: Mettiyā.

268. Hết quyển 3.

Tôn biết mà vẫn hỏi

- Ông có nghe những gì Tỳ-kheo-ni này nói hay chẳng?

Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn con có nghe. Thế Tôn biết điều đó.

Đức Thế Tôn bảo:

- Nay không nên trả lời như vậy. Thật thì nói là thật. Không thật thì nói không thật.

Đạp-bà-ma-la Tử nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay bạch Phật:

- Con từ khi sanh đến nay chưa từng nhớ trong mộng hành bất tịnh, huống là đối với lúc tỉnh mà hành bất tịnh.

Đức Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Đạp-bà-ma-la Tử, ông nên nói như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông nên kiểm vấn Tỳ-kheo Từ Địa này. Chớ để có sự vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ cho Tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử là người thanh tịnh này. Nếu vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ thì mắc trọng tội.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tìm đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa để kiểm vấn gốc ngọn:

- Việc này thế nào? Có thật vậy không? Chớ vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ. Tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử này là người thanh tịnh. Nếu vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ thì mắc trọng tội.

Khi Tỳ-kheo Từ Địa bị các Tỳ-kheo cật vấn, báo cáo:

- Tôi biết Đạp-bà-ma-la Tử là người phạm hạnh thanh tịnh, không có việc làm như vậy. Nhưng tôi đến thành La-duyet, ông ấy vì Tăng phân phòng xá, ngọ cụ; đã trao cho chúng tôi phòng xấu, ngọ cụ xấu. Tôi liền sanh tâm bất nhẫn, nói: Đạp-bà-ma-la Tử có thiên vị. Thích ai thì phân cho phòng tốt, ngọ cụ tốt. Không thích ai thì phân cho phòng xấu, ngọ cụ xấu. Do không thích tôi nên chia cho tôi phòng xấu, ngọ cụ xấu. Rồi theo thứ tự mời thọ thực thì lại mời tôi đến chỗ có thức ăn dở. Do vậy, tôi càng thêm oán hận bội phần, nói: Tại sao Tăng lại giao cho người có thiên vị như vậy phân chia phòng, ngọ cụ và phân chia thứ tự mời đi thọ thực? Nhưng Đạp-bà-ma-la Tử này lại người phạm

hạnh thanh tịnh, không có việc làm như vậy.

Trong các Tỳ-kheo nghe, có vị thiếu dục tri túc, hành hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý hiếm trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Tại sao ông vu khống Đạp-bà-ma-la Tử là người phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ?

Rồi các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao vu khống người phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ?

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Có hai hạng người nhất định vào địa ngục. Hoặc chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh; hoặc vu khống người chân phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ. Hai hạng người này một mạch vào thẳng địa ngục.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Từ Địa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Từ Địa này là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VẤN

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn áp ủ, đối với Tỳ-kheo không phải Ba-la-di, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là không căn cứ, Tỳ-kheo này nói: "Tôi vì thù hận nên nói như vậy." Tỳ-kheo nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Sân nhuế: Có mười ác pháp làm nhân duyên cho nên sân. Trong mười pháp, mỗi một pháp đều làm phát sinh sân.

Căn cứ: Có ba căn. Căn cứ do thấy, căn cứ do nghe, căn cứ do nghi.

- Căn cứ do thấy: Thật thấy phạm phạm hạnh; thấy trộm năm tiền hay hơn năm tiền; thấy đoạn mạng người. Nếu người khác thấy mà

mình nghe từ họ thì gọi là căn cứ do thấy.

- Căn cứ do nghe: Nếu nghe nói phạm phạm hạnh; nghe nói trộm năm tiền hay hơn năm tiền; nghe nói đoạn mạng người; nghe nói tự khen ngợi đấng pháp thượng nhân. Nếu người kia nói mà nghe từ người khác thì gọi là căn cứ do nghe.

- Căn cứ do nghi: Có hai loại sanh ra nghi, từ thấy sanh ra nghi, từ nghe sanh ra nghi. Từ thấy sanh nghi, như thấy cùng người nữ vào trong rừng, hay từ rừng đi ra, không có y, lỏa hình, nam căn không trong sạch, thân bị nhớp; tay cầm dao có dính máu, cùng ác tri thức làm bạn. Đó gọi là từ thấy sanh ra nghi. Từ nghe sanh nghi, hoặc trong chỗ tối nghe tiếng giường kêu, hoặc nghe tiếng nệm cỏ chuyển động, hoặc nghe tiếng thân động, hoặc nghe tiếng thì thầm nói khế, hoặc nghe tiếng giao hội, hoặc nghe nói - Tôi phạm phạm hạnh»; nghe tiếng nói trộm năm tiền hay hơn năm tiền nghe tiếng nói - Tôi giết người; hoặc nghe nói - Tôi được pháp thượng nhân. Đó gọi là từ nghe sanh nghi.

Trừ ba căn này ra, nếu dùng pháp khác để vu khống, thì gọi là không căn cứ.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy phạm Ba-la-di, không nghe phạm Ba-la-di, không nghi phạm Ba-la-di lại nói: Tôi thấy, nghe, nghi, người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp vô căn để hủy báng, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy phạm Ba-la-di, không nghe phạm Ba-la-di, không nghi phạm Ba-la-di, lại sanh ý tưởng thấy, nghe, nghi, sau đó quên mất ý tưởng này, nói: Tôi thấy, nghe, nghi, người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp vô căn để vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Đối với người kia có nghi, sau đó lại nói, - Tôi trong đây không nghi. Nhưng lại nói, - Tôi thấy, nghe, nghi. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di, mà đối với người kia sanh nghi, sau đó lại quên mất nghi, bèn nói: Tôi thấy, nghe, nghi. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di, mà trong đây không nghi. Nhưng lại nói, - Tôi trong đây có nghi là tội phạm Ba-la-di được thấy, được nghe, được nghi.

Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Trong đây không nghi, sau đó quên là đã không nghi, nhưng lại nói: Tôi thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà (589a1) vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di, mà nói, - Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Mà trong đó tưởng là thấy, sau đó quên ý tưởng này, lại nói, - Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây có nghi, lại nói: Trong đây không có nghi. - Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây có nghi, sau quên, lại nói: Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây không nghi, lại nói: Tôi có nghi. Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây không nghi, sau đó quên điều không nghi, lại nói: Tôi nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.²⁶⁹

Nghe nghi cũng như vậy. (Trong đây có các câu, nhưng văn dài dòng không chép ra.)²⁷⁰

Nếu Tỳ-kheo bằng bốn sự²⁷¹ không căn cứ để vu khống Tỳ-kheo,

269. Căn bản 13 (T23n1442, tr.697c17), mười yếu tố phạm: 1-3. Không thấy, không nghe, không nghi, mà nói dối thật có thấy, nghe, nghi. 4-5. Nghe, nghi, rồi quên, nhưng nói là không quên. 6-7. Nghe mà tin, nghe mà không tin, nhưng nói tôi thấy. 8-9. Nghe mà nghi, nghe mà không nghi, nhưng nói tôi thấy. 10. Chỉ tự nghi mà nói tôi thấy. Thập tụng 4 (T23n1435, tr.23b03) mười một yếu tố đối với Tỳ-kheo không thanh tịnh: 1-3. Không thấy, không nghe, không nghi. 4-6. Thấy, nghe, nghi rồi quên. 7-8. Nghe rồi tin hoặc không tin. 9. Nghe mà nói là nghi. 10. Nghi mà nói là thấy. 11. Nghi mà nói là nghe.

270. Lời chua trong bản Hán.

271. Bốn Ba-la-di.

nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sử, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Trừ bốn Ba-la-di, dùng các pháp phi Tỳ-kheo khác để vu khống, nói: Ông phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, với tâm giặc thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật xuất huyết, phi nhân, súc sanh, hai căn.²⁸⁵ Nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sử, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Ngoại trừ chẳng phải pháp Tỳ-kheo này, lại dùng pháp không căn cứ khác để vu khống Tỳ-kheo, theo trước mà phạm.

Nếu dùng tám pháp Ba-la-di không căn cứ để vu khống Tỳ-kheo-ni, nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sử, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Trừ tám pháp Ba-la-di này, mà dùng các phi pháp Tỳ-kheo-ni không căn cứ khác, để hủy báng, rõ ràng, Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sử, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Trừ pháp phi Tỳ-kheo-ni, lại dùng pháp không căn cứ khác vu khống Tỳ-kheo-ni, theo trước mà phạm.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ra nếu dùng tội không căn cứ vu khống người khác phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Dùng căn cứ thấy, nghe, nghi mà nói sự thật, nói giỡn chơi, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nhằm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

IX. GIẢ CĂN BÁNG

A. DUYÊN KHỞI

272. Mười ba già nạn, có một trong các yếu tố này, không đắc giới Tỳ-kheo.

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.²⁸⁶ Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy con dê đực lớn cùng với con dê cái đang hành dâm. Thấy vậy, bèn nói với nhau bảo:

- Con dê đực này là Đạp-bà-ma-la Tử. Con dê cái là Tỳ-kheo-ni Tử. Nay, ta sẽ nói với các Tỳ-kheo: “Trước kia, tôi đã vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp được nghe không căn cứ. Nay chúng tôi tự mắt thấy Đạp-bà Ma-la Tử hành dâm với Tỳ-kheo-ni Tử.”

Sau đó liền đến chỗ các Tỳ-kheo nói:

- Trước kia, tôi đã vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp được nghe không căn cứ. Nay chúng tôi tự mắt thấy Đạp-bà-ma-la Tử hành dâm với Tỳ-kheo-ni Tử.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Việc này như thế nào? Các ông chớ nên dùng pháp không căn cứ vu khống Đạp-bà-ma-la Tử là người tu phạm hạnh. Vu khống người tu phạm hạnh bằng pháp không căn cứ mắc tội rất nặng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa sau khi bị các Tỳ-kheo cật vấn, liền nói:

- Đạp-bà-ma-la Tử không có việc ấy. Đó là người thanh tịnh. Vừa rồi chúng tôi từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy con dê đực cùng với con dê cái hành dâm, nên chúng tôi liền tự bảo nhau: “Con dê đực này là Đạp-bà-ma-la Tử. Con dê cái là Tỳ-kheo-ni Tử. Hôm nay chính mắt chúng ta thấy việc ấy. Chúng ta sẽ đến chỗ các Tỳ-kheo để tố cáo: Trước đây, tôi bằng pháp được nghe không căn cứ mà vu khống Đạp-bà Ma-la Tử. Nay chính mắt tôi tự thấy Đạp-bà cùng Tỳ-kheo-ni hành dâm.” Song, Đạp-bà-ma-la Tử là người thanh tịnh. Thật không có việc ấy.

Trong các Tỳ-kheo nghe, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Tại sao các ông lại vu khống Đạp-bà-ma-la Tử, là người thanh tịnh, bằng Ba-la-di không căn cứ của sự việc thuộc phần sự khác?

Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải

273. Vin.iii. 166: Rājagahe viharati Venuvane Kalandanivāpe.

pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Đạp-bà-ma-la Tử tu phạm hạnh. Tại sao các ông lại vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng Ba-la-di không căn cứ của việc thuộc phần sự khác?

Đức Thế Tôn quở trách Tỳ-kheo Từ Địa, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Từ Địa này là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vậy:

B. GIỚI VẤN

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, dựa vào tiểu tiết trong phần sự khác, đối với Tỳ-kheo không phải là Ba-la-di, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không có căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy, về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, Tỳ-kheo này tự nói: “Tôi vì thù hận nên nói như vậy.” Tỳ-kheo nào nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Sân nhuế: Như trước đã nói.

Phần sự khác:²⁸⁷ Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nói là thấy phạm Ba-la-di, vu khống bằng pháp không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di mà gọi là phạm, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, nhưng thấy vị ấy phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng vị ấy nói phạm Ba-la-di, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng vị ấy nói phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết, mà

274. Pali: addabhāgiyassa adhikaranassa, đối với tránh sự thuộc phần sự khác; vấn đề thuộc về thiên tội khác, hay tránh sự cơ sở khác.

vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

Người không thanh tịnh giống người không thanh tịnh,²⁸⁸ hay cùng tên, cùng họ, đồng tướng; lấy sự của việc người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người không thanh tịnh giống người thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người thanh tịnh giống người không thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người thanh tịnh giống người thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc thấy người ấy lúc còn tại gia mà phạm dâm, trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc giết người, bèn nói với người: Tôi thấy Tỳ-kheo phạm dâm, trộm năm tiền, hơn năm tiền, nghe giết người. Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc nghe nói người ấy lúc còn tại gia mà phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhân, bèn nói: Tôi nghe nói người kia phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhân. Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nói nghe có tiếng vang: Tôi phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhân. Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo bằng bốn sự pháp²⁸⁹ không căn cứ thuộc phần sự

275. Đoạn này và các đoạn kế tiếp, giải thích ý nghĩa thủ phiến 取片 Phiến, được hiểu là chứng cứ giả để vu khống, Pali: Lesa. Cf. Vin.iii. 168: Leso nāma dasa lesā, có 10 chứng cứ giả: Đồng sinh (huyết thống), đồng danh, đồng tính, đồng tướng, đồng tội, đồng bát, đồng y, đồng Hoà thượng, đồng A-xà-lê, đồng tọa ngoại cụ.

276. Tứ sự pháp 四事法; tức bốn tránh sự: Ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, sự tránh; cf. Tứ

khác²⁹⁰ để vu khống Tỳ-kheo, nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, hoặc viết thư, hoặc sai sứ, làm dấu hiệu cho biết dấu được nhận biết rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

Trừ bốn Ba-la-di, bằng pháp phi Tỳ-kheo khác, không căn cứ, thuộc phần sự khác, mà hủy báng, nói: “Ông phạm biên tội, cho đến, hai hình, chi tiết như trên;” nói mà hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai người, làm hiệu cho biết, nếu hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được phạm Thâu-lan-giá.

Trừ những sự trên, nếu dùng các pháp khác không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống Tỳ-kheo, tùy theo trước mà phạm.

Nếu Tỳ-kheo dùng tám pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống Tỳ-kheo-ni, nói mà hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai người, ra dấu cho biết, nếu hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá.

Ngoài tám Ba-la-di, dùng các pháp phi Tỳ-kheo-ni khác thuộc phần sự khác để vu khống, nói mà hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai sứ, ra dấu cho biết, nếu hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Trừ pháp phi Tỳ-kheo-ni, nếu dùng các pháp khác không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống Tỳ-kheo-ni, tùy trường hợp phạm.

Trừ vu khống Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, dùng pháp không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống người khác, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, da-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Căn cứ do thấy, do nghe, do nghi căn mà nói đúng sự thật, nói giỡn cợt, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nhằm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

X. PHÁ TĂNG

phần quyển 21. Pali, Vin, iii. 164: Cattāri adhikaranāni: Vivādādhikaranam anuvādādhikaranamāpa tādādhikaranam kiccādhikaranam.

277. Cf. Vin.iii.166: Katham adhikaranam adhikaranassa addabhāgiyam thế nào là tránh sự thuộc phần sự (hay bộ phận) khác của tránh sự? Đó là, ngôn tránh là phần sự khác đối với mịch tránh, tội tránh và sự tránh..

A. DUYÊN KHỞI

1. Các vương tử họ Thích:

Một thời, Đức Phật ở A-nô-di-giới, nước Di-ni-sư.²⁷¹ Bấy giờ, các hào tộc Thích tử với đức tin kiên cố, theo Đức Thế Tôn cầu xuất gia. Bấy giờ, có hai anh em họ Thích. Một người tên là A-na-luật.²⁷² Người kế tên là Ma-ha-nam.²⁷³ A-na-luật được mẹ yêu mến, không muốn rời xa mắt. Bà cho xây cất cung điện ba mùa xuân, hạ, đông, và cung cấp các thể nữ để cho mặc tình hưởng thụ ngũ dục.

Khi ấy, Ma-ha-nam nói với A-na-luật:

- Hiện nay con cháu hào tộc của giòng họ Thích do tín tâm kiên cố thấy đều theo Thế Tôn cầu xin xuất gia. Riêng nhà ta không có một người nào xuất gia. Anh hãy trông coi gia nghiệp, từ việc công đến việc tư, em xin giao hết. Em muốn xuất gia. Nếu anh không thể được thì em sẽ duy trì gia nghiệp để anh đi xuất gia.

A-na-luật nói:

- Hiện tại, anh không thể xuất gia. Em có thể đi đi.

Ma-ha-nam nói như vậy ba lần. A-na-luật cũng trả lời như vậy:

- Anh không thể xuất gia.

Ma-ha-nam nói với A-na-luật:

- Nếu anh không thể xuất gia thì em cáo bạch để cho anh duy trì gia nghiệp. Anh trông coi người làm, sửa sang nhà cửa, phụng sự tôn trưởng và các người thân tộc; ra vào nơi vương sở, với oai nghi lễ tiết phải như vậy; cày ruộng, gieo trồng sao cho đúng thời vụ.

A-na-luật bảo:

- Những điều em vừa nói, hết sức là phiền toái. Anh không thể kham được. Tại sao em không nói, anh hãy mặc tình hưởng thụ ngũ dục, còn việc nhà cửa em sẽ lo liệu? Anh muốn vì lòng tin theo Thế Tôn cầu xuất gia.

Ma-ha-nam nói:

- Anh cần đến từ già mẹ.

A-na-luật liền đến chỗ mẹ, thưa:

- Mẹ nghe con nói. Hiện nay các con cái dòng họ Thích tử đều có người xuất gia. Riêng nhà mình không có người nào đi xuất gia. Nay con muốn đến chỗ Đức Thế Tôn cầu xin xuất gia. Nếu mẹ cho phép,

278. Di-ni-sư quốc A-nô-di giới 彌尼搜國阿奴夷界. Ngũ phần, Di-na ấp A-nậu lâm 彌那邑阿兜林. Pali, Anupiyā, thị trấn thuộc xứ Malla, gần Kapilavatthu.

279. A-na-luật 阿那律. Pali, Anuruddha, anh em với Mahānāma, con vua Amitodana (Hộc Phạm Vương). Vin. ii 183 (Cūnavagga 7. Sanghabheda).

280. Ma-ha-nam 摩訶男. Pali, Mahānāma. Xem cht. 102 trên.

con sẽ xuất gia tu hạnh thanh tịnh.

Bà mẹ nói:

- Mẹ chỉ có hai đứa con. Tình yêu thương rất sâu đậm. Một chút cũng không muốn xa rời con mắt. Nay làm sao để cho con xuất gia được? Cho đến chết, còn không muốn rời, huống là còn sống mà lại cách biệt!

A-na-luật ba lần như vậy thưa mẹ xin xuất gia. Bà mẹ cũng như vậy ba lần từ chối: Mẹ không để con đi!

A-na-luật ba lần cầu xin mẹ đi xuất gia. Bà liền suy nghĩ: Nên làm cách nào để khiến con đừng đi xuất gia? Rồi bà lại nghĩ: Thích tử Bạt-đề²⁹⁴ được mẹ rất yêu mến, tất không cho xuất gia. Ta nên nói với A-na-luật: “Nếu mẹ của Bạt-đề cho Bạt-đề xuất gia thì mẹ cũng sẽ cho con xuất gia.” Nghĩ như vậy rồi, bà nói với A-na-luật. A-na-luật nghe mẹ nói như vậy, liền đến chỗ Bạt-đề, nói:

- Anh nay biết không? Các Thích tử đều xuất gia. Song chúng ta chưa có người xuất gia. Hai người chúng ta có thể cùng nhau đi xuất gia.

Bạt-đề bảo:

- Tôi không kham xuất gia. Anh muốn xuất gia thì tùy ý.

A-na-luật ba lần khuyên. Bạt-đề cũng ba lần trả lời:

- Tôi không xuất gia.

A-na-luật bảo:

- Hôm nay, việc xuất gia của tôi một phần tùy thuộc nơi anh.

Bạt-đề đáp lại:

- Tại sao việc xuất gia của anh một phần tùy thuộc tôi?

A-na-luật đáp:

- Tôi xin phép mẹ xuất gia. Mẹ tôi nói với tôi: “Nếu con có thể khiến Bạt-đề xuất gia thì mẹ sẽ cho con đi xuất gia.” Lý do là vậy.

Bạt-đề bảo:

- Được rồi. Anh chờ một chút, để tôi đi thưa với mẹ tôi.

Bạt-đề tử liền đến chỗ mẹ, quỳ mọp thưa:

- Nay mẹ có biết không? Các con nhà họ Thích đều xuất gia. Duy chỉ có một nhà mình là không. Nay tin tưởng muốn theo Thế Tôn cầu xuất gia. Mẹ cho con đi!

Bà mẹ bảo:

- Mẹ không cho con xuất gia. Vì sao? Mẹ chỉ có một mình con. Mẹ rất thương yêu, không muốn xa con dù chỉ trong chốc lát. Cho đến khi

281. Bạt-đề 跋提. Pali, Bhaddiya, Vin.ii. 181.

chết mẹ cũng không muốn rời, hưởng là hiện sống mà phải cách biệt.

Bạt Đề thưa xin xuất gia như vậy ba lần. Bà mẹ cũng ba lần trả lời không thuận cho.

Bà mẹ thấy con lòng rất chí thiết, nên tự nghĩ: Ta sẽ làm cách nào để khiến con ta đừng xuất gia? Rồi bà suy nghĩ: Mẹ của A-na-luật rất yêu mến con của bà. Tất không cho con xuất gia. Nếu mẹ của A-na-luật cho con xuất gia thì ta cũng cho con ta đi xuất gia. Nghĩ như vậy rồi liền nói với Bạt-đề:

- Nếu mẹ của A-na-luật cho con của bà đi xuất gia thì mẹ cũng sẽ cho con đi xuất gia.

Khi ấy, Bạt-đề Thích tử đến chỗ A-na-luật nói:

- Mẹ tôi đã cho tôi đi xuất gia. Chúng ta nay có thể hoãn thời gian bảy năm để ở tại nhà, hưởng thụ ngũ dục đến mức tối đa, sau đó sẽ xuất gia.

A-na-luật bảo:

- Bảy năm lâu quá, mạng người vô thường.

Bạt-đề lại nói:

- Không thể bảy năm thì có thể sáu năm, hoặc năm, bốn, hai, một năm ở tại nhà để thụ hưởng ngũ dục.

A-na-luật lại nói:

- Một năm lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.

Bạt-đề nói:

- Không thể một năm thì có thể bảy tháng, để thụ hưởng ngũ dục.

A-na-luật nói:

- Bảy tháng lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.

Bạt-đề nói:

- Không chịu nói bảy tháng thì sáu, năm, bốn, ba, hai, một tháng để chúng ta cùng nhau thụ hưởng ngũ dục.

A-na-luật nói:

- Một tháng lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.

Bạt-đề tử nói:

- Nếu không thể một tháng thì có thể trong bảy ngày, để cùng nhau hưởng thụ dục lạc.

A-na-luật nói:

- Bảy ngày thì không xa. Nếu hết bảy ngày mà anh có thể xuất gia thì tốt, bằng không thì tôi sẽ xuất gia.

Rồi trong bảy ngày đó các Thích tử cùng nhau thụ hưởng ngũ dục với mức tối đa theo ý mình. Khi hết bảy ngày, Thích tử A-na-luật, Thích tử Bạt-đề, Thích tử Nan-đề, Thích tử Kim-tỳ-la, Thích tử Nan-đà, Thích tử Bạt-nan-đà, Thích tử A-nan-đà, Thích tử ĐỀ-bà-đạt, ông thợ cạo Ưu-ba-ly là người thứ chín, đều tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thoa nơi thân, chải tóc, mang châu anh lạc, cỡi voi ngựa lớn ra thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhân dân trong nước thấy các Thích tử, cùng nhau bàn nói:

- Các Thích tử này trước đây thường tắm rửa thân thể, mang đồ anh lạc, cỡi voi ngựa lớn vào trong vườn dạo chơi, hôm nay chắc cũng vậy.

Khi các Thích tử cỡi voi lớn đến bên trong ranh giới, xuống voi, cỡi y phục, chuỗi anh lạc, và luôn cả voi, ngựa trao cho Ưu-ba-ly nói:

- Nhà người thường nương nhờ chúng tôi để sống. Nay, chúng tôi xuất gia. Cho nhà người y phục quý báu và voi lớn này để nhà người làm phương tiện nuôi sống.

Khi các Thích tử tiến về phía trước, đến A-nậu-di,²⁹⁵ nước Di-ni; ở phía sau, Ưu-ba-ly trong lòng suy nghĩ: Ta vốn nhờ Thích tử này mà có được sự sống. Nay với lòng tin họ bỏ ta, theo Thế Tôn cầu xin xuất gia. Nay ta hãy theo họ xuất gia. Nếu họ có sở đắc thì ta cũng sẽ đắc.

Ưu-ba-ly liền dùng tấm lụa trắng gói y phục quý báu và anh lạc lại, đem treo trên cây cao, với ý nghĩ: Ai đến lấy thì cho. Ưu-ba-ly tiến đến chỗ các Thích tử và thưa họ:

- Sau khi quý vị đi, tôi liền khởi ý nghĩ: “Ta vốn nhờ Thích tử này mà có được sự sống. Nay với lòng tin họ bỏ ta, theo Thế Tôn cầu xin xuất gia. Nay ta hãy theo họ xuất gia. Nếu họ có sở đắc thì ta cũng sẽ đắc.”

Khi ấy, các Thích tử cùng Ưu-ba-ly dẫn nhau đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, lui đứng qua một bên, bạch với Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con đã được cha mẹ cho phép xuất gia. Cúi xin Đại đức cho chúng con được xuất gia. Cúi mong Thế Tôn, độ cho Ưu-ba-ly trước nhất. Vì sao? Vì chúng con có nhiều kiêu mạn và muốn trừ kiêu mạn ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, trước hết độ cho Ưu-ba-ly, kế đến độ Thích tử A-na-luật, kế đến Thích tử Bạt-đề, kế đến Thích tử Nan-đề,

282. A-nậu-di; ở trên âm là A-nô-di.

kế đến Thích tử Kim-tỳ-la, kế đến Thích tử Nan-đà. Ưu-ba-ly thọ đại giới là bậc Thượng tọa trên hết. Khi ấy, có vị đại Thượng tọa tên là Tỳ-la-trà,²⁹⁶ độ riêng Thích tử A-nan-đà. Ngoài ra các thượng tọa khác độ Thích tử Bạt-nan-đà, và Thích tử Đề-bà-đạt.

Khi Đức Thế Tôn độ các Thích tử rồi, Ngài bảo họ đến nước Chiêm-bà. Sau khi các Thích tử nhận sự giáo thọ của Đức Thế Tôn và các Thượng tọa rồi, đến nước kia, mỗi người đều tự tư duy, chứng tăng thượng địa. Đề-bà-đạt-đa đặng thần tức. Khi ấy, Bạt-đề Thích tử ở một mình nơi A-lan-nhã, dưới bóng cây, trong bãi tha ma, tu tập tư duy. Đến cuối đêm, lớn tiếng nói: Sung sướng thay! Sung sướng thay! Các Tỳ-kheo ở gần ở bên nghe và nghĩ: Tỳ-kheo Bạt-đề này, vốn khi ở đời, thường hưởng thụ ngũ dục. Nay xả bỏ vinh hoa kia mà xuất gia hành đạo, sống một mình nơi A-lan-nhã, dưới bóng cây, trong bãi tha ma, đến cuối đêm, tự mình nói: “Sung sướng thay! Sung sướng thay!” Thích tử Bạt-đề này há không phải nhớ lại lúc còn ở nhà hưởng thụ ngũ dục nên tự nói: “Sung sướng thay! Sung sướng thay!”?

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình bày rõ ràng với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Ông đến gọi gấp Tỳ-kheo Bạt-đề đến đây!

Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật, đến nói với Tỳ-kheo Bạt-đề:

- Đức Thế Tôn kêu người đến gấp.

Tỳ-kheo Bạt-đề liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn có hỏi Bạt-đề:

- Có thật ông một mình ở nơi A-lan-nhã, trong bãi tha ma, dưới bóng cây, rồi đến giữa đêm tự kêu lên: “Sung sướng thay! Sung sướng thay!” ?

Bạt-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

Phật hỏi Bạt-đề:

- Ông quan sát ý nghĩa gì mà tự kêu lên: “Sung sướng thay! Sung sướng thay!”?

Bạt-đề thưa:

- Trước đây, khi con ở nhà, bên trong lẫn bên ngoài thường được tự hộ vệ bằng đao gậy. Với sự hộ vệ như vậy mà còn có sự sợ hãi. Sợ

283. Tỳ-la-trà 毘羅茶. Pali, Vin.i. 202: Belatthasīsa. Vị này nguyên là một người Bà-la-môn ở Sāvattthi, xuất gia với Uruvela-Kassapa trước khi Phật thành đạo. Khi Uruvela-Kassapa theo Phật, ông cũng theo.

kẻ giặc bên ngoài đến xâm đoạt mạng sống của con. Nhưng, nay con ở một mình nơi A-lan-nhã, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, cho đến giữa đêm mà không thấy có sự sợ hãi nào, lòng trong người không hề dựng đứng. Bạch Thế Tôn, con nghĩ đến cái lạc của sự xuất ly, cho nên tự nói: “Sung sướng thay! Sung sướng thay!” như thế.

Thế Tôn liền khen:

- Lành thay, lành thay, thiện gia nam tử! Điều đó thích hợp để ông chí tín xuất gia, vui hạnh thanh tịnh.

2. Nhân duyên A-xà-thế:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, vua Bình-sa²⁹⁷ không có con. Vua liền tập hợp các Bà-la-môn có khả năng về tướng số, khiến họ xem tướng các phu nhân. Nhà vua nói: Người xem tướng các phu nhân này, ai sẽ sanh được con.

Bà-la-môn xem tướng xong, tâu:

- Phu nhân trẻ, khỏe mạnh này sẽ sanh con. Nhưng sẽ là kẻ thù của vua. vua nghe nói như vậy rồi, đêm đó cùng giao hợp với phu nhân này. Bà ấy liền có thai. Sau đó, sanh một nam tử, tướng mạo đoan chánh. Vì khi chưa được sanh, Bà-la-môn đã đoán định, nó sẽ là kẻ thù của vua. Vì duyên cố ấy cho nên đặt tên là Vị Sanh Oán.²⁹⁸

Vương tử này theo thời gian trưởng thành. Đê-bà-đạt-đa dùng sức thần thông khiến Vương tử hâm mộ.

Đê-bà-đạt-đa suy nghĩ: Ta cần nuôi đồ chúng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-tỳ.²⁹⁹ Trong nước đó có một người tên là Ca-hưu-câu-la Tử.³⁰⁰ Mạng chung, không bao lâu, ông này đã sanh hóa vào trong cõi trời Hoá tự tại.³⁰¹ Lúc ấy, Ca-hưu Thiên tử, vào giữa đêm, đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Mục-liên:

- Tâm của Đê-bà-đạt-đa muốn làm ác, nên sanh ý niệm: “Ta muốn nuôi đồ chúng.”

Ca-hưu Thiên tử nói như vậy rồi, đánh lễ, nhiễu quanh, xong biến mất.

Khi đêm đã qua, Mục-liên đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới

284. Bình-sa 瓶沙王. Pali: Bimbisāra/ Seniya Bimbisāra, vua nước Ma-kiệt-đà.

285. Vị Sanh Oán 未生怨. Pali: Ajātasattu/ Ajātasattu Veddehiputta, A-xà-thế Vi-đề-hy Tử.

286. Câu-thiểm-tỳ 拘睢毘國. Pali: Kosambī

287. Ca-hưu-câu-la Tử 迦休拘羅子. Vin.ii. 185, Kakudha/ Kakudha Koliya; nguyên là thị giả của ngài Đại Mục-kiền-liên. Cf. A.iii. 122ff.

288. Hoá tự tại 化自在天; Vin.ii. 185: adhunā kālankato adḍataram manomayam kāyam upa-panno, tái sinh với thân khác do ý sinh.

chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn hỏi Mục-liên:

- Ý ông nghĩ thế nào, như lời Ca-hưu Thiên tử nói, đúng thật chứ không nhầm lẫn chăng?

Mục-liên thưa:

- Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.

Đức Thế Tôn bảo Mục-liên:

- Chớ nói như vậy. Ta không thấy có lời nói nào của Chư thiên, người đời các Ma, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn mà là như thật, không sai trái. Chỉ trừ có lời nói của Như Lai là không hư dối.³⁰²

Đức Phật bảo Mục-liên:

- Ở đời có năm việc tối tôn (sẽ nói ở sau).³⁰³

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ A-xà-thế, dùng sức thần thông bay lên hư không; hoặc hiện thân nói pháp, hoặc ẩn thân nói pháp, hoặc hiện nửa thân nói pháp, hoặc thân tuôn ra khói, hoặc thân tuôn ra lửa; hoặc biến thân làm hài nhi, thân mang anh lạc,³⁰⁴ ngồi lên đùi thái tử, rồi xoay nghiêng qua, mút ngón tay thái tử. Thái tử A-xà-thế thấy sự biến hóa này đâm ra hoảng sợ, lông trong người đều dựng ngược lên. Đề-bà-đạt-đa biết Thái tử hoảng sợ liền nói:

- Chớ sợ, chớ sợ!

Thái tử hỏi:

- Ông là ai?

- Tôi là Đề-bà-đạt-đa.

Thái tử nói:

- Ông thật là Đề-bà-đạt-đa thì trở lại nguyên hình.

Đề-bà-đạt-đa trở lại nguyên hình. Thái tử thấy rồi, liền tăng thêm lòng hâm mộ. Đã hâm mộ rồi, Thái tử lại tăng thêm sự cúng dường.

Bấy giờ, hằng ngày, A-xà-thế dùng năm trăm chiếc xe sáng chiều đến thăm hỏi và cung cấp năm trăm chỗ đồ ăn thức uống.

Khi các Tỳ-kheo nghe A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi Đề-bà-đạt-đa sáng chiều và cung cấp năm trăm chỗ đồ ăn thức uống, họ liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

289. Cf. Vin. ibid., Phật cảnh giác Mục-liên: Hãy giữ kín lời nói!

290. Lời chua trong bản Hán.

291. Pali: Quán quanh mình một chuỗi răn.

- Các ông, nên tự nhiếp tâm chớ sanh lòng tham đắm³⁰⁵ những thứ lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa. Vì sao? Chính vì A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chỗ đồ ăn thức uống, nên làm cho Đề-bà-đạt-đa tăng thêm ác tâm. Ví như nam tử, đánh vào lỗ mũi con chó dữ, khiến cho chó kia càng thêm hung ác. Các Tỳ-kheo nên biết, ở đây cũng như vậy. Chính hằng ngày A-xà-thế dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chỗ đồ ăn thức uống, nên khiến cho ác tâm của Đề-bà-đạt-đa tăng thêm vậy.

Lúc ấy, vua Bình-sa nước Ma Kiệt nghe biết A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chỗ đồ ăn thức uống cho Đề-bà-đạt-đa. Vua Bình-sa, hằng ngày cũng dùng bảy trăm chiếc xe đến thăm hỏi Đức Thế Tôn, và cung cấp bảy trăm chỗ đồ ăn thức uống.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nghe vua Bình-sa dùng bảy trăm chiếc xe sáng chiều đến thăm hỏi Đức Thế Tôn, và cung cấp bảy trăm chỗ đồ ăn thức uống. Do vì lợi dưỡng nên sanh tâm tật đố, Đề-bà-đạt-đa liền mất thần thông, bèn khởi ý nghĩ như vậy: Nay ta nên chờ khi nào Phật cùng đại chúng hội hợp sẽ đến trước Đức Phật, tha thiết thưa: “Thế Tôn tuổi đã già nua, thọ mạng hơn người, học đạo cũng lâu, nên yên sống nơi nhàn tịnh, mặc nhiên tự thủ. Đức Thế Tôn là chủ của các pháp, nên phú chúc Tăng cho con, con sẽ chăm sóc.”

Nghĩ như vậy rồi, Đề-bà-đạt-đa chờ đại chúng tập hợp, liền đem ý nghĩ đó trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

- Đối với Xá-lợi-phất, Mục-liên, ta còn không đem Tăng phú chúc cho, huống chi là đối với ông, người ngu si, mũi dãi đầy mình,³⁰⁶ đâu có thể đem Tăng phú chúc cho ông được!

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa sanh ý niệm này: Nay Đức Thế Tôn giữa đại chúng lại nói ta là người ngu si, mũi dãi đầy mình. Do vậy, Đề-bà-đạt-đa liền sanh tâm bất nhẫn. Đây là lần đầu trong đời này, Đề-bà-đạt-đa sanh tâm bất nhẫn đối với Thế Tôn.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ A-xà-thế, nói:

- Đức vua dùng chánh pháp trị dân cho nên được trường thọ. Sau khi Phụ vương băng hà thì ngài mới được lên ngôi. Lúc ấy, tuổi ngài đã già nua, sẽ không hưởng thụ ngũ dục được lâu. Nay ông hãy giết cha.

292. Pali, - Chớ ganh tị!, Vin.ii. 188.

293. Hán: Thế thóa chi thân 涕唾之身. Pali, Vin.ii. 189: Chavassa khenāsakassa cái xác chết dính đàm dãi.

Tôi sẽ giết Phật. Bấy giờ, quốc giới Ma-kiệt có vua mới, Phật mới trị nước giáo hóa, đâu há không vui sao?

Vương tử bảo:

- Có thể vậy.

Vương tử liền hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Ngài cần những gì ?

Đề-bà nói:

- Tôi cần một số người.

Vương tử liền cung cấp người.

Đề-bà-đạt-đa sai hai người đến hại Phật, dạy:

- Người đến giết Phật rồi, đi về bằng con đường khác.

Sau khi sai hai người ấy đi rồi, Đề-bà-đạt-đa lại sai bốn người nữa đi với lời dặn:

- Các người đón đầu hai người kia. Gặp chúng thì giết. Rồi theo con đường khác mà về.

Tiếp đó, lại sai tám người, cũng dặn:

- Các người đón đầu bốn người kia. Gặp chúng giữa đường thì giết. Rồi theo con đường khác mà về.

Cứ như vậy Đề-bà-đạt-đa lần lượt sai gấp đôi người lên, cho đến sáu mươi bốn người. Như vậy, đầu mỗi bị cắt đứt, không thể phân biệt, không biết ai hại Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trong hang Trư khảm;³⁰⁷ từ trong hang này đi ra, kinh hành dưới sườn núi. Đức Phật tự nghĩ: Nhân duyên Ta làm xưa kia, ngày hôm nay là kỳ hẹn.

Khi ấy, hai người nhận lệnh của Đề-bà-đạt-đa liền mặc áo giáp, cầm đao trượng đi đến Đức Thế Tôn. Cả hai người đều tâm niệm: Ta sẽ hại Phật. Vừa sanh ý niệm này, tức thời không thể bước tới được. Họ liền nghĩ: Thế Tôn có đại thần đức, oai lực vô lượng. Chính đệ tử của Ngài cũng có thần lực. Chúng ta đâu có thể hại được Đức Thế Tôn. Vừa sanh ý nghĩ này thì liền bước đến được. Từ xa, họ thấy tướng mạo Đức Thế Tôn đoan chánh, các căn tịch tịnh, được sự điều phục tối thượng, tịch diệt đệ nhất, các căn kiên cố, như con long tượng đã được huấn luyện, ý không thác loạn, như nước lóng trong, trong ngoài đều thấu suốt. Họ thấy như vậy, liền phát tâm hoan hỷ, buông bỏ đao trượng, vất vào một chỗ, tiến đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự vì hai người nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan hỷ, khuyên họ tu thiện, nói bố thí, nói trì giới, nói tạo phước sanh

294. Trư khảm 豬坎. Pali: Sūkarakhatalena hang đá trên sườn Linh thúu (Gijjhakūna).

thiên; quở trách dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất ly. Hai người ngay nơi chỗ ngồi, hết các trần cấu, đặng pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, liền bạch Phật:

- Từ nay về sau, chúng con xin thọ ba tự quy: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm người Ưu-bà-tắc. Từ nay cho đến trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo hai người:

- Các người muốn trở về, nên đi con đường kia, không nên đi con đường này.

Hai người liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi cáo lui.

Khi về đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, họ báo cáo:

- Đức Thế Tôn có đại thần lực, oai lực vô lượng. Đệ tử của ngài cũng có thần lực. Chúng tôi đâu có thể hại Thế Tôn được.

Đề-bà-đạt-đa đáp lại:

- Các người hãy cút đi, diệt đi! Cần gì các người? Tại sao hai người mà không thể giết một người?

Đề-bà-đạt-đa đang trong cơn thịnh nộ ấy, đích thân đến núi Kỳ-xà-quật, tự tay mình cầm một tảng đá lớn, từ xa ném Đức Thế Tôn. Khi ấy, có một vị trời liền đón viên đá đặt lên trên đỉnh núi. Từ bên mép tảng đá đó, có một mảnh nhỏ văng ra, nhằm vào ngón chân Phật, làm chột da chảy máu. Khi ấy, Đức Thế Tôn như con đại long quay nhìn bên hữu và nói:

- Chuyện chưa từng có! Người họ Cù-đàm lại làm việc này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn trở vào trong hang, tự lấy tảng-già-lê xếp thành bốn lớp làm gối, nằm nghiêng bên hữu như con sư tử, hai gót chân chồng lên nhau, nhất tâm nhẫn thọ sự đau nhức cực kỳ.

Bấy giờ, một số đông Tỳ-kheo nghe việc Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật; mỗi người cầm gậy, đá, bảo vệ quanh hang, lớn tiếng kêu réo. Phật từ trong hang nói ra, bảo các Tỳ-kheo, “Các ông làm gì mà cầm gậy, đá đi quanh hang la lối như bọn người đánh cá la lối khi bắt được cá vậy?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Vừa rồi, chúng con nghe Đề-bà-đạt-đa muốn đến hại Phật. Bởi vậy, chúng con cầm gậy, đá đến nơi hang. Sợ oan gia đến hại Thế Tôn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông hãy trở về chỗ nghỉ, chuyên tâm tu tập. Pháp thường

của chư Phật không cần được che chở. Vì sao? Vì đã thắng các oán địch. Tỳ-kheo các ông nên biết, Chuyển luân thánh vương mà bị hại bởi kẻ thù từ bên ngoài, là điều không thể có. Như Lai cũng lại như vậy. Không có trường hợp các điều ác đến hại Như Lai.

Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trong đời có năm hạng Tôn sư:³⁰⁸ Những gì là năm?

- Hoặc có Tôn sư giới không thanh tịnh, tự xưng: “Ta giới thanh tịnh.” Nhưng các đệ tử thân cận biết như thật điều đó nên nói: “Thầy của ta giới không thanh tịnh mà tự xưng là giới của ông thanh tịnh. Nếu ta đến nói với hàng bạch y, thầy của ta sẽ không vui. Thầy không vui thì không nên nói. Cứ để cho Thầy nhận sự cúng dường của thí chủ, sau đó sẽ tự biết.” Như vậy, nầy các Tỳ-kheo, pháp của vị tôn sư trong đời kia là đệ tử vì giới mà bảo vệ. Thầy mong cầu đệ tử bảo vệ.

- Thứ hai, nầy các Tỳ-kheo, hoặc có tôn sư hoạt mạng không thanh tịnh³⁰⁹ mà tự xưng, “Ta hoạt mạng thanh tịnh.”... nói như trên.

- Thứ ba, nầy các Tỳ-kheo, hoặc có người kiến huệ không thanh tịnh³¹⁰ mà tự xưng, “Ta kiến huệ thanh tịnh.”... nói như trên.

- Thứ tư, hoặc có người ngôn thuyết không thanh tịnh,³¹¹ mà tự xưng, “Ta ngôn thuyết thanh tịnh.”... nói như trên.

- Thứ năm, hoặc có người ở ngoài pháp luật,³¹² mà tự xưng, “Ta thanh tịnh ở trong pháp luật.”... nói như trên.

- Như vậy, nầy các Tỳ-kheo, trong đời có năm loại được coi là pháp của tôn sư.

- Nầy các Tỳ-kheo! Nay, Ta trì giới thanh tịnh cũng tự nói là: “Ta trì giới thanh tịnh.” Không khiến đệ tử bảo vệ Ta. Ta cũng không cầu đệ tử bảo vệ.

- Cũng vậy, nầy các Tỳ-kheo, Ta hoạt mạng thanh tịnh, và cũng tự nói là, “Ta mạng thanh tịnh.”... nói như trên.

- Cũng vậy, nầy các Tỳ-kheo, Ta kiến huệ của ta thanh tịnh, và xưng là, “Ta kiến huệ thanh tịnh.”... nói như trên.

- Cũng vậy, nầy các Tỳ-kheo, Ta ngôn thuyết thanh tịnh, cũng tự nói là: “Ta ngôn thuyết thanh tịnh.”... nói như trên.

- Cũng vậy, nầy các Tỳ-kheo, Ta ở trong pháp luật, cũng tự xưng là “Ta ở trong pháp luật.”... nói như trên.

295. Ngũ chủng tôn 五種尊. Pali: Pañca sathhāro.

296. Pali: aparisuddhājīvo, phước tiện sinh sống không thanh tịnh.

297. Pali: aparisuddhađđānadassano, tri kiến không thanh tịnh.

298. Pali: aparisuddhađđānadassano, sự giải thuyết (thọ ký) không thanh tịnh.

299. Pali: aparisuddhadhammadesana, sự thuyết pháp không thanh tịnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông hãy sai Xá-lợi-phất cáo tri cho đại chúng bạch y biết rằng, “Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.” Nên bạch nhị yết-ma. Sai người biết làm yết-ma. Như sự việc trên mà tác bạch như vậy:

- Đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, “Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, “Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.” Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, “Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm” thì im lặng. Ai không đồng ý, hãy nói.

- Tăng đã chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, “Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm” Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Xá-lợi-phất nghe lời nói này rồi, tâm sanh nghi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, thưa:

- Bạch Thế Tôn, làm sao con có thể đến chúng bạch y nói việc xấu của ông ấy? Vì sao? Trước đây, con trước các bạch y đã khen ngợi điều hay của Đề-bà-đạt-đa rằng, “Xuất gia từ dòng họ lớn, thông minh, có đại thần lực, nhan mạo đoan chánh.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Trước đây ông khen ngợi Đề-bà-đạt-đa rằng, “Xuất gia từ dòng họ lớn, thông minh, có đại thần lực, nhan mạo đoan chánh.” Sự thật có phải vậy không?

Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Đại đức, sự thật là như vậy.

- Cho nên, này Xá-lợi-phất, nay ông nên đến trong đại chúng bạch y, nói: “Trước đây Đề-bà-đạt-đa là như vậy, ngày nay là như vậy. Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.”

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Đức Phật dạy rồi, đến trong đại

chúng bạch y, nói, trước đây Đề-bà-đạt-đa là như vậy, ngày nay là như vậy. Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.

Khi ấy trong đại chúng có một số người chấp nhận Đề-bà-đạt-đa thì nói, Sa-môn Thích tử vì sự cúng dường nên sanh tâm đố kỵ. Họ không vui khi Đề-bà-đạt-đa được sự cúng dường, cho nên nói giữa đại chúng: “Những gì Đề-bà-đạt-đa làm không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng mà là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.”

Trong đó những người hâm mộ Phật thì nói: Hoặc có thể Đề-bà-đạt-đa đã làm, hoặc mới đương làm.

Bấy giờ, A-xà-thế bí mật dấu con dao bên trong chiếc áo, vội vàng lên vào trong cung để giết cha. Người giữ cửa phát giác, lục thấy trong người của A-xà-thế dấu một con dao, hỏi:

- Thái tử dấu con dao này để làm gì?

A-xà-thế trả lời:

- Ta muốn vào cung để hại vua.

Người giữ cửa hỏi:

- Ai dạy ông, sanh tâm như vậy?

Vương tử nói:

- Đề-bà-đạt-đa dạy ta.

Khi ấy, người giữ cửa liền dẫn đến chỗ các Đại thần, và báo cáo:

- A-xà-thế muốn hại vua.

Các Đại thần hỏi:

- Ai dạy ông điều đó?

Vương tử trả lời:

- Đề-bà-đạt-đa dạy tôi.

Trong số các Đại thần có vị nói:

- Sa-môn họ Thích đều làm việc này. Phải giết hết.

Có Đại thần lại nói:

- Không phải tất cả Sa-môn họ Thích đều làm việc ác. Đây chỉ là việc làm của Vương tử và Đề-bà-đạt-đa. Phải giết những người này.

Có Đại thần lại nói:

- Không phải tất cả Sa-môn họ Thích đều làm việc ác. Đây chỉ là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế. Tuy là tội đáng chết, nhưng không nên giết. Vì sao vậy? Vua là vị vương trọng pháp, khi nghe ất không vui.

Khi ấy, người giữ cửa liền dẫn đến chỗ vua Bình-sa, tâu:

- A-xà-thế này muốn hại vua.

Vua hỏi:

- Ai bảo người làm điều đó?

Vương tử thưa:

- Đề-bà-đạt.

Trong số các Đại thần có vị nói:

- Sa-môn họ Thích tất cả đều làm việc này. Phải giết hết.

Nhà vua nghe câu nói này lòng không vui. Trong các Đại thần có người nói:

- Sa-môn Thích tử không phải làm ác hết, không nên giết hết. Đây chỉ là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế, thì nên giết họ mà thôi.

Nhà vua nghe lời nói này, lòng cũng không vui.

Trong số Đại thần, có vị nói:

- Sa-môn Thích tử không làm ác hết, không nên giết hết. Đây là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế. Hai người tuy đáng chết nhưng không nên giết. Tại sao vậy? Nhà vua là vị pháp vương, khi nghe ắt người không vui.

Vua Bình Sa hài lòng với ý kiến này, bảo các thần:

- Tất cả Sa-môn Thích tử này không hẳn đều là ác, bởi vậy không nên giết hết. Đây là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế, song cũng không nên giết. Tại sao vậy? Trước đây Đức Phật đã khiến Xá-lợi-phất báo khắp giữa đám đông: “Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải việc của Phật, Pháp, Tăng mà là Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.” Cho nên, không nên giết.

Sau khi phụ vương quả trách Thái tử A-xà-thế rồi, bảo các Đại thần:

Có thể tha thứ cho Thái tử A-xà-thế.

Sau đó liền thả cho đi.

Khi ấy, các Đại thần cùng nhau lớn tiếng nói:

- A-xà-thế làm việc tà trời, đáng chết, tại sao chỉ quả trách sơ rồi thả?

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đã sai người hại Phật, lại bảo A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan tràn, lợi dưỡng bị đoạn tuyệt. Đề-bà-đạt-đa cùng đồng bọn gồm năm người đến từng nhà khát thực. Người thứ nhất tên là Tam-văn-đạt-đa; người thứ hai tên là Kiên-trà-đạt-bà; người thứ ba tên là Cẩu-bà-ly; người thứ tư tên Ca-lưu-la-đê-xá³¹³ và bản thân của

300. Đồng bọn của Đề-bà-đạt-đa: Tam-văn-đạt-đa 三閻達多, Kiên-trà-đạt-bà 鞞荼達婆, Cẩu-bà-ly 拘婆離, Ca-lưu-la-đê-xá 𑖀𑖔𑖀𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖒𑖔. Pali, Vin.ii. 196: Kokālika, Kanamoraka-tissa, Khattadeviyāputta, Samuddadatta.

Đề-bà-đạt-đa là người thứ năm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật, lại bảo A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan tràn, lợi dưỡng đoạn tuyệt, cùng đồng bọn năm người đến từng nhà khát thực, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn, một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này liền tập hợp đại chúng. Ngài biết mà vẫn hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Có thật ông dẫn bốn người đến từng nhà khát thực hay không?

Đề-bà-đạt-đa thưa:

- Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao ông riêng rẽ dẫn bốn người đến từng nhà khát thực. Ta đã dùng vô số phương tiện nói, “Các người hãy thương tưởng nhà bạch y.” Nay sao ông riêng rẽ dẫn bốn người đến từng nhà khát thực?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa rồi, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau không được ăn riêng chúng, được phép cho đến ba người cùng ăn.³¹⁴ Có hai điều lợi nên phải như vậy. Một là vì nhiếp phục người khó điều phục. Hai là vì từ mãn đối với nhà bạch y. Tại sao vậy? Vì sợ hạng người khó điều phục kia tự cấu kết tạo chúng riêng để gây phiền não chúng Tăng.

Đề-bà-đạt-đa liền sanh ý niệm này: Điều chưa từng có! Sa-môn Cù-đàm lại đi cắt miếng ăn của kẻ khác. Ta hãy phá Tăng luân³¹⁵ của ông ta. Sau khi ta qua đời có thể để lại tiếng là, “Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, trí tuệ vô ngại, mà bị Đề-bà-đạt-đa phá Tăng luân của ông ta.”

3. Phá Tăng luân:

Rồi thì, Đề-bà-đạt-đa liền đến các Tỳ-kheo đồng bạn nói:

- Nay chúng ta có thể cùng nhau phá Tăng luân của Cù-đàm. Sau khi chúng ta chết có thể để lại tiếng là, “Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, trí tuệ vô ngại, mà bị Đề-bà-đạt-đa phá Tăng luân của ông ta.”

Khi ấy, một đồng bạn của Đề-bà-đạt-đa là Tam-văn-đạt-đa, trí tuệ tài cao, phát biểu:

301. Xem Ba-đạt-đê, điều 33, cấm biệt chúng thực.

302. Phá Tăng luân; Pali: Sanghabhedam, cakkabhedam: Phá tăng và phá luân.

- Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực. Cho đến đồ chúng đệ tử cũng lại như vậy. Làm sao chúng ta có thể phá được Tăng luân của người?

Đề-bà-đạt-đa nói:

- Như Lai thường khen nói hạnh đầu-đà, thiếu dục, tri túc, ưa xuất ly. Nay, ta có năm pháp cũng là thắng pháp của đầu đà, thiếu dục, tri túc, ưa xuất ly: Trọn đời khát thực, trọn đời mặc y phẩn tảo, trọn đời ngồi nơi đất trống, trọn đời không ăn muối,³¹⁶ trọn đời không ăn cá thịt.³¹⁷ Nay, ta trì năm pháp này giáo hóa các Tỳ-kheo đủ khiến cho họ tin ưa. Ta sẽ nói với các Tỳ-kheo: “Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi người tu hạnh đầu đà, thiếu dục tri túc, ưa xuất ly. Nay, chúng ta có năm pháp cũng là thắng pháp đầu đà: Trọn đời khát thực,... cho đến không ăn thịt cá. Hãy cùng nhau thực hành điều đó.” Tỳ-kheo tuổi nhỏ chắc sẽ thọ giáo. Tỳ-kheo thượng tọa sẽ ngại không tin thọ. Do phương tiện này có thể phá được Tăng luân kia.

Bấy giờ, Tam-văn-đạt-đa nói với Đề-bà-đạt-đa:

- Nếu làm như vậy, đủ để phá Tăng luân kia.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa liền dùng năm pháp trên, dạy các Tỳ-kheo:

- Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi người tu hạnh đầu đà, thiếu dục, tri túc, ưa xuất ly. Nay, chúng ta có năm thắng pháp, cũng là hạnh đầu đà, thiếu dục, tri túc, ưa xuất ly: Chúng ta trọn đời khát thực, trọn đời mặc y phẩn tảo, trọn đời ngồi nơi đất trống, trọn đời không ăn muối, cá và thịt.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa dùng năm pháp như vậy dạy các Tỳ-kheo, khiến họ tin ưa... chi tiết như trên.

Các Tỳ-kheo nghe rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Hiện nay, Đề-bà-đạt-đa muốn đoan bốn Thánh chủng.³¹⁸ Những gì là bốn? Ta thường dùng vô số phương tiện nói, y phục cốt nhắm đến tri túc. Ta cũng khen nói, y phục cốt nhắm đến tri túc. Ta cũng dùng vô số phương tiện nói, thức ăn, giường nằm và ngọa cụ, thuốc thang để

303. Nguyên Hán: Tô diêm 酥鹽.

304. Ngũ phần 25 (T22n1421, tr.164a): 1. không ăn muối. 2. không ăn sữa đặc. 3. không ăn cá thịt. 4. Chỉ xin ăn, không nhận mời. 5. Xuân, Hạ, 8 tháng ngồi giữa chỗ trống; Đông 4 tháng sống trong am cỏ. Thập tụng 36 (T23n1435, tr.295a): 1. Mặc nạp y. 2. Chỉ khát thực. 3. Chỉ một lần ăn. 4. Ngồi giữa trời trống. 5. Không ăn thịt. Pali, Vin. ii. 197, Vin. iii. 171: 1. Sống trong rừng. 2. Chỉ khát thực. 3. Mặc phẩn tảo. 4. Sống dưới bóng cây. 5. Không ăn cá.

305. Tứ Thánh chủng 四聖種. Pali, cattāro ariyavansā; cf. D.iii. 224.

chữa bệnh cần nhắm đến tri túc. Các Tỳ-kheo nên biết, nay Đề-bà-đạt muốn đoạn bốn thánh chủng.

Rồi Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Có thật ông dùng năm pháp dạy các Tỳ-kheo hay chăng? ... chi tiết như trên.

Trả lời:

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.³¹⁹

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

- Tại sao ông dùng năm pháp dạy các Tỳ-kheo... (như trên). Nay Đề-bà-đạt-đa, ông chớ nên đoạn bốn thánh chủng, (Bốn Thánh chủng như trên đã nói). Nay Đề-bà-đạt-đa, nay ông chớ nên phương tiện phá hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt phương tiện phá hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Ông nên cùng Tăng hòa hiệp, không tranh chấp, cùng một thầy học như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có ích, sống an lạc. Bởi vậy cho nên, nay Đề-bà-đạt-đa, ông nên biết, phá hòa hiệp Tăng là điều ác, gian nan, mắc đại trọng tội. Phá hòa hiệp Tăng đọa trong Nê-lê một kiếp, thọ tội không thể cứu vớt.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khiến cho tâm phá Tăng của Đề-bà-đạt-đa tạm chấm dứt. Ngài dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép Tăng trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián, can gián để bỏ sự việc này bằng cách bạch tứ yết-ma.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, như trên đây mà tác bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đề-bà-đạt-đa này muốn phương tiện phá hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho pháp ha gián để bỏ việc này, nói rằng, “Đề-bà-đạt-đa, ông chớ phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đề-bà-đạt-đa, ông nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng nhất như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới sống an lạc.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đề-bà-đạt-đa này muốn thọ pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Nay Tăng trao cho pháp ha can gián để bỏ sự việc này. “Đề-bà-đạt-đa, ông chớ phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đề-bà-đạt-đa, ông nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ,

không tranh chấp, đồng nhất như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới sống an lạc.” Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Nên làm pháp ha gián như vậy, Tăng vì Đề-bà-đạt-đa làm pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy rồi, các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

- Nếu có Tỳ-kheo nào khác phương tiện muốn phá hòa hợp Tăng, cũng dùng pháp bạch tứ yết-ma ha gián này. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, muốn phá hoại hòa hợp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chấp chặt pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ.³²⁰ Các Tỳ-kheo nên can gián Tỳ-kheo này: “Đại đức chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hoại hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt phá hoại hòa hợp Tăng kiên trì không bỏ. Đại đức, nên cùng Tăng hòa hợp, vì cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc.” Tỳ-kheo ấy được can gián như vậy ba lần cho bỏ việc ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

D. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Hòa hiệp: Đồng một yết-ma, đồng một thuyết giới.³²¹

Tăng: Có bốn Tỳ-kheo, có năm Tỳ-kheo, hoặc mười Tỳ-kheo, cho đến vô số.

Phá: Phá có mười tám việc: Pháp, phi pháp, luật, phi luật, phạm, không phạm, hoặc nhẹ, hoặc nặng, có dư tàn, không dư tàn, thô ác,

307. Hán: Phương tiện thọ hoại hoà hiệp Tăng pháp kiên trì bất xả 方便受壞和合僧法堅持不捨. Pali (Vin. iii.172): adhikaranam samādāya paggayha titttheyya, sau khi gây ra một nguyên nhân tranh chấp, rồi chấp chặt không bỏ.

308. Pali: Samānasāvāsako samānasīmāyam, đồng nhất trú xứ trong cùng một cương giới.

chẳng phải thô ác, thường sở hành, phi thường sở hành, chế, phi chế, thuyết, phi thuyết. Đó là mười tám việc.

Trụ pháp phá Tăng:³²² Tức là trụ nơi mười tám việc này.

D. PHẠM TUỞNG

Nếu Tỳ-kheo tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng,³²³ chấp chặt pháp phá Tăng³²⁴ kiên trì không bỏ Tỳ-kheo kia nên can gián³²⁵ Tỳ-kheo này rằng, “Đại đức chớ tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng, chớ chấp chặt pháp phá Tăng kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng tác pháp ha gián mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy nghe lời thì tốt; bằng không nghe lời thì lại nên khiến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc Đại thần của vua, các Sa-môn khác đạo, Bà-la-môn đến nói. Nếu Tỳ-kheo ở nơi khác mà nghe biết vị này tin dùng lời nói của họ thì nên đến nhờ nói.

Nếu vị này nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác bạch.³²⁶ Tác bạch rồi lại nói: Đại đức, tôi đã tác bạch xong, còn các pháp yết-ma nữa. Nay ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng tác yết-ma mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy nghe lời thì tốt; bằng không nghe lời nên tác sơ yết-ma, rồi lại nói: Đại đức, tôi đã tác sơ yết-ma rồi, còn hai yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng vì ngài tác yết-ma mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác yết-ma lần thứ hai, rồi lại nói: Đại đức, tôi đã tác yết-ma lần thứ hai rồi, còn một yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng vì ngài tác yết-ma mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì tác pháp yết-ma lần thứ ba. Trao xong, vị ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ, phạm ba Thâu-lan-giá. Yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ, phạm một Thâu-lan-giá. Bắt đầu tác bạch chưa xong mà bỏ, phạm

309. Trụ phá Tăng pháp 住破僧法; nhóm từ được giải thích không có trong Giới văn. Trong Giới văn, nhóm từ này Hán dịch là kiên trì (bất xả) 堅持不捨; Pali: Titttheyya (na paṇinissajeyya): Trụ vững, ngoan cố không chịu bỏ.

310. Hán: Phương tiện dục phá hoà hiệp Tăng 方便欲破和合僧; Pali: Samaggassa sanghassa bhedaṃ parakkameyya, hoạt động nhằm đến sự tan vỡ của hoà hiệp Tăng.

311. Hán: Thọ phá Tăng pháp 受破僧法; Pali: Bhedanasanvattanikam adhikaranam samādhāya, tiếp nhận, hay duy trì, tránh sự (điểm tranh chấp) có xu hướng phá vỡ Tăng.

312. Pali: Vattabbo, cần được nói; tức thuyết phục cá nhân. Tỳ-kheo không nghe thuyết phục này, phạm Đột-kiết-la (dukkansa)

313. Sau ba lần thuyết phục, vẫn cố chấp, Tăng tiến hành yết-ma ha gián; Pali: Samanubhāsitaḅbo.

một Đột-kiết-la. Nếu tất cả chưa tác bạch, khi tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng, chấp chặt phá hòa hợp Tăng kiên trì không bỏ, tất cả phạm Đột-kiết-la.

Nếu khi Tăng đang tác yết-ma ha gián cho người phá Tăng mà có Tỳ-kheo khuyến khích đừng bỏ. Tỳ-kheo ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu không phải là ha gián, Tỳ-kheo ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xúi: Đừng bỏ. Cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Chưa tác pháp ha gián, cô ni xúi: Đừng bỏ. Cô ni ấy phạm Đột-kiết-la. Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác xúi đừng bỏ. Những người ấy phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Bắt đầu can gián liền bỏ. Nếu phi pháp biệt chúng tác pháp ha gián; phi pháp hòa hợp chúng tác pháp ha gián; pháp biệt chúng, pháp tương tự biệt chúng, pháp tương tự hòa hợp, phi pháp, phi luật, phi giáo giới của Phật. Nếu tất cả chưa tác pháp ha gián. Hoặc vì phá ác hữu, ác tri thức; hoặc vì phá phương tiện muốn phá Tăng, can ngăn khiến không phá; hoặc phá phương tiện trợ việc phá Tăng; hai, ba người yết-ma; hoặc muốn tác yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni; hoặc vì Tăng, vì tháp, vì hai Hòa thượng, đồng Hòa thượng, vì A-xà-lê, đồng A-xà-lê, vì tri thức, làm tổn giảm, làm không có trú xứ. Vì những mục đích này mà phá, thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XI. TÙY THUẬN PHÁ TĂNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa cố chấp chặt năm pháp này, và lại đến dạy các Tỳ-kheo:

- Thế Tôn dùng vô số phương tiện thường khen nói người tu hạnh đầu đà, thiếu dục, tri túc, ưa xuất ly; thế thì trọn đời khát thực, mặc y phẩn tảo, ngồi nơi đất trống, không ăn muối, không ăn thịt và cá.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Đề-bà-đạt-đa:

- Ông chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, chớ nên chấp chặt pháp phá Tăng kiên trì không bỏ. Tại sao vậy? Cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.

Bấy giờ, bè đảng của Đề-bà-đạt-đa, tiến hành trợ giúp phá hoại hòa hợp Tăng, các Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo:

- Các thầy chớ nên quở trách Đề-bà-đạt-đa. Những điều Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo nói pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiếu dục tri túc, hành đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa:

- Sao các Thầy lại nói Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật; những gì Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận?

Các Tỳ-kheo hiềm trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa:

- Việc làm của người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Vì sao các ông nói với các Tỳ-kheo là: “Đừng quở trách những điều Đề-bà-đạt-đa nói. Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật; những gì Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.”?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép Tăng trao cho các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này, bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa này, thuận theo Đề-bà-đạt-đa, mà nói như vậy, “Tỳ-kheo các ngài chớ quở trách Đề-bà-đạt-đa. Tại sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này. Rằng, “Các ngài chớ nên nói “Đề-bà-đạt-đa Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp thuận.” Song Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là Tỳ-kheo pháp ngữ, Tỳ-kheo luật ngữ. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an

lạc.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Các Tỳ-kheo bè đảng với Đề-bà-đạt-đa này, thuận theo Đề-bà-đạt-đa, mà nói như vậy, “Tỳ-kheo các ngài chớ quở trách Đề-bà-đạt-đa. Tại sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.” Nay Tăng vì các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa tác pháp ha gián để bỏ việc kia: “Đại đức chớ nên nói “Đề-bà-đạt-đa Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp thuận.” Song Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là Tỳ-kheo pháp ngữ, Tỳ-kheo luật ngữ. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.” Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng ha gián các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa, khiến cho bỏ việc kia, thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận tác pháp ha gián các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa để bỏ việc kia rồi. Tăng chấp nhận cho nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Nên tác pháp quở trách can ngăn các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa bằng bạch tứ yết-ma như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, nếu có bè đảng cùng trợ giúp việc phá hoại hòa hợp Tăng như vậy, cũng nên tác pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy. Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo kiệt giới, tập mười cú nghĩa, cho đến để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

B. GIỚI VẤN

Tỳ-kheo nào, có bè đảng từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số. Các Tỳ-kheo bè đảng ấy nói với các Tỳ-kheo: “Đại đức, chớ can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận.” Chúng Tỳ-kheo ấy nói: “Đại đức chớ nói như vậy: “Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo ấy nói là chúng tôi chấp nhận.” Nhưng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói phi pháp, là Tỳ-kheo nói phi luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hợp tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hợp tăng. Đại

đức cùng tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có tăng ích an lạc.” Các Tỳ-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Chúng Tỳ-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thuận theo:³²⁷ Có hai thứ: Thuận vì pháp và thuận theo vì y thực.

- Thuận theo vì Pháp: Dùng pháp mà giáo thọ tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, phúng tụng thọ trì.

- Thuận theo vì y thực: Cung cấp y phục, ẩm thực, giường, ngọa cụ, thuốc thang chữa bệnh.

Bè đảng: Từ bốn người, hoặc hơn bốn người.

Lời nói tán trợ bè đảng:³²⁸ Từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến số đông.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu bè đảng của Tỳ-kheo nói phi pháp, nói các Tỳ-kheo: Đại đức, chớ can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp, Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận... (...) ³²⁹ Ngài chớ nói như vậy: Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp, Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận. Nhưng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói phi pháp, là Tỳ-kheo nói phi luật. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp cho Tăng hòa hiệp. Đại đức cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ, không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc. Các ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quả trách mà phạm trọng tội. Nói mà nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời thì nên tác bạch. Tác bạch rồi nên nói với người kia: Tôi đã bạch xong, còn mấy lần yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quả trách mà phạm trọng tội. Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời thì nên yết-ma lần đầu. Yết-ma lần đầu xong, nên nói với người kia: Tôi đã bạch và làm yết-ma lần đầu rồi, còn hai yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quả trách mà phạm trọng tội. Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời, thì nên tác

314. Hán: Thuận tùng 順從; từ được thích nghĩa, nhưng trong Giới văn không có. Pali: anuvat-taka, (người) đi theo, thuận tùng; được giải thích: Người kia có quan điểm gì, xu hướng gì, sở thích gì, thì người này cũng đồng quan điểm, xu hướng, sở thích như vậy.

315. Hán: Trợ bạn đảng ngữ 助伴黨語; từ được giải thích mà không có trong Giới văn. Pali: Vaggavādaka.

316. Bản Hán dịch nhảy một đoạn, nên văn thiếu mạch lạc.

yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai xong, nên nói với người kia: Tôi đã bạch và làm hai pháp yết-ma rồi. Còn một yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc kia, đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội. Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời, thì yết-ma lần thứ ba. Khi yết-ma lần thứ ba xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch xong hai yết-ma mà bỏ, phạm ba Thâu-lan-giá. Bạch xong một yết-ma mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Bạch xong mà bỏ phạm một Thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong mà bỏ phạm Đột-kiết-la. Nếu khi chưa bạch, tất cả đều tùy thuộc vào việc phá Tăng của bè đảng, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tỳ-kheo can gián các Tỳ-kheo bè đảng, lại có Tỳ-kheo khác nói đừng bỏ. Tỳ-kheo (xúi dục) này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa quở trách can gián, thì phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tỳ-kheo can gián các Tỳ-kheo bè đảng, Tỳ-kheo-ni nói: kiên trì đừng bỏ, cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp can gián cô ni nói: đừng bỏ thì phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni người khác nói: Đừng bỏ đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ. Yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy. Hoặc tất cả chưa tác pháp can gián thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XII. Ô THA GIA³³⁰

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở Kỳ-liên³³¹ có hai Tỳ-kheo. Một tên là A-thấp-bà,³³² người thứ hai tên là Phú-na-bà-sa.³³³ Cả hai ở tại Kỳ-liên có hành vi xấu, làm hoen ố nhà người. Hành vi xấu mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Họ làm những điều phi pháp như: Tự mình trồng cây hoa, sai

317. Ngũ phần, Tăng-già-bà-thi-sa 13; Pali, Sanghādisesa 13.

318. Kỳ-liên 羈連. Pali: Kināgiri.

319. A-thấp-bà 阿濕婆. Pali: Assaji. Đây là Tỳ-kheo trong nhóm Lục quần (chabbaggiyā); không phải Assaji Thera trong năm Tỳ-kheo đầu tiên (paṇḍavaggiya).

320. Phú-na-bà-sa 富那婆娑. Pali: Punabbasu.

người trồng cây hoa; tự mình tưới nước, sai người tưới nước; tự mình hái hoa, sai người hái hoa; tự mình làm tràng hoa, sai người làm tràng hoa; tự mình khâu chỉ cột, sai người khâu chỉ cột; tự mình cắm hoa, sai người cắm hoa; tự mình đem tràng hoa cho người, sai người đem tràng hoa cho người. Hoặc ở trong thôn xóm kia có người phụ nữ, đồng nữ, họ cùng ngồi một giường, một ghế, cùng ăn uống một mâm, nói năng cười cợt; hoặc tự ca múa xướng hát, hoặc người khác làm, mình hòa theo; hoặc diễn kịch, hoặc đánh trống, thổi ống tiêu, ống sáo; làm tiếng chim sẻ, làm tiếng các loài chim khác kêu; hoặc chạy, hoặc giả kiếng chân mà đi, hoặc huyết gió, tự làm lộng thân,³³⁴ hoặc giúp vui cho kẻ khác...

Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo từ nước Ca-thi³³⁵ tuần tự du hành đến Kỳ-liên, nghỉ đêm tại đó. Sáng ngày, đắp y, bưng bát vào thôn khát thực. Pháp phục tề chỉnh. Bước đi thông thả. Mắt nhìn trước bước đi, không xoay ngó hai bên. Theo thứ tự khát thực. Khi ấy, các cư sĩ thấy vậy, cùng nhau bàn nói: Đây là người gì cúi đầu mà đi, không ngó hai bên, cũng không nói cười, không bắt thiệp, không khéo léo trong lời chào hỏi. Chúng ta không nên cho thức ăn cho họ. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa của chúng ta, hai vị ấy không cúi đầu đi. Họ ngó hai bên. Họ bắt thiệp với mọi người, khéo léo trong lời chào hỏi. Chúng ta nên cúng dường thức ăn cho họ.

Lúc ấy, số đông Tỳ-kheo kia khát thực tại Kỳ-liên, khó khăn lắm mới nhận được thức ăn. Do vậy, họ tự nghĩ: Có Tỳ-kheo xấu hiện đang trú tại trú xứ này, làm ác hạnh như vậy... cho đến, giúp vui cho kẻ khác.

Các Tỳ-kheo liền từ Kỳ-liên đến thành Vương-xá, và đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn như thường lệ hỏi thăm và an ủi các Tỳ-kheo khách:

- Các ông đi đứng có được an lạc chăng? Chúng Tăng có hòa hợp không? Có gặp khó khăn vì ăn uống không?

Các Tỳ-kheo bạch Đức Thế Tôn:

- Bạch Đại đức, chúng con đi đứng được an lạc. Chúng Tăng hòa hợp. Chúng du hành từ nước Ca-thi đến Kỳ-liên... Rồi đem nhân duyên trên trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện từ xa quở trách hai Tỳ-kheo A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa: Việc làm của các người ấy là sai

321. Hán: Tự tác lộng thân 自作弄身; nghĩa đen: Đem thân mình ra làm trò đùa. Nhưng cụ thể không hiểu là làm trò gì.

322. Ca-thi quốc 迦尸國. Pali: Kāsī, 1 trong 16 nước lớn thời Phật. Thủ phủ là Bārānasī.

quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa ở nơi Kỳ-liên mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu? Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe, (...) cho đến giúp vui cho kẻ khác.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên:

- Nay, hai ông nên đến Kỳ-liên trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tấn xuất.³³⁶ Tại sao vậy? Vì họ là đệ tử của hai ông. Bạch tứ yết-ma như sau:

Tăng nhóm họp xong, tiến hành cử tội³³⁷ hai ông ấy. Cử tội xong tác pháp ức niệm.³³⁸ Tác ức niệm xong nên trao tội³³⁹ cho họ. Rồi sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc đã xảy ra tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở nơi Kỳ-liên làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận; nay Tăng vì A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa tác pháp yết-ma tấn xuất: “Các ông đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đã có những hành vi xấu như vậy thì nên đi khỏi đây, không nên ở nơi này.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa này, ở nơi Kỳ-liên đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tấn xuất: “Các ông đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đã có những hành vi xấu như vậy thì nên đi khỏi đây, không nên ở nơi này.” Vị trưởng lão nào đồng ý Tăng vì hai người này tác yết-ma tấn xuất thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy).

- Tăng đã chấp thuận trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp

323. Tấn yết-ma 擯羯磨. Pali: Pabbājanīyakamma; đuổi Tỳ-kheo ra khỏi địa phương nơi mà họ đang mang tiếng xấu.

324. Hán: Tác cử 作舉; tiến hành luận tội và buộc tội. Pali: Codetabba

325. Tác ức niệm 作憶念, khiến cho nhớ lại tội; khiến nhận tội. Pali: Sāretabba.

326. Dữ tội 與罪, xác định tội. Pali: āpattim ropetabba.

yết-ma tấn xuất rồi. Tăng đã chấp thuận vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng rồi đi.

Ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên khoác y, bưng bát, cùng với số đông năm trăm vị đại Tỳ-kheo, từ nước Ca-thi du hành đến Kỳ-liên.

Khi ấy, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa nghe Xá-lợi-phất và Mục-liên dẫn năm trăm vị đại Tỳ-kheo, từ Ca-thi du hành đến Kỳ-liên, bèn nghĩ: Chắc chắn vì chúng ta làm yết-ma tấn xuất. Hai người kia liền đến chỗ các cư sĩ, nói:

- Nay có hai Tỳ-kheo đến. Một, tên là Xá-lợi-phất, và hai, tên là Mục-liên. Một vị giỏi về huyền thuật, bay đi trên hư không. Tỳ-kheo thứ hai, thì hành ác hạnh, tự mình có khả năng thuyết pháp. Quý vị nên khéo tự quán sát, đừng để bị mê hoặc.

Khi ấy, Xá-lợi-phất và Mục-liên từ nước Ca-thi tuần tự du hành đến Kỳ-liên, nghỉ đêm nơi đó. Sáng ngày, khoác y, bưng bát, vào thôn khát thực. Đại Mục-liên hiện thần túc, phóng thân lên không trung; Xá-lợi-phất đích thân nói pháp.

Bấy giờ, các cư sĩ thấy vậy rồi, cùng nhau bàn tán: Hai Tỳ-kheo này, một vị rành nghề huyền thuật, bay đi trong không trung. Tỳ-kheo thứ hai hành ác hạnh, nhưng tự nói pháp được. Lúc này, Xá-lợi-phất và Mục-liên liền vì các cư sĩ tại Kỳ-liên mà nói pháp, khiến họ được tin ưa.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên ăn xong, rửa bát, trở về lại trú xứ, vì nhân duyên này, tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Tăng nhóm họp, rồi họ vì A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa mà cử tội. Cử tội xong tác ức niệm. Tác ức niệm xong trao tội. Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa chúng liền tác yết-ma như trên. Khi ấy, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa bị Tăng tác yết-ma rồi, liền nói:

- Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng chỉ riêng đuổi tôi.

Khi ấy, Xá-lợi-phất và Mục-liên ở tại Kỳ-liên vì A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa tác yết-ma rồi, trở về vườn Cấp-cô-độc rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Chúng con đã đến Kỳ-liên trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa yết-ma tấn xuất rồi. Khi chúng Tăng tác yết-ma tấn xuất, A-thấp-bà và

Phú-na-bà-sa lại nói: “Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.”

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện từ xa quở trách A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa:

- Việc làm của các người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao khi chúng Tăng trao cho pháp yết-ma tấn xuất lại nói: “Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi”?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián, bằng bạch tứ yết-ma.

Trong chúng nên sai một người có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc đã xảy ra, tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở tại Kỳ liên, khi Tăng trao cho pháp yết-ma, lại nói: “Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián để bỏ việc ấy: “Các ông chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Các ông làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu, ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các ông đã làm hoen ố nhà người, đã có hành vi xấu.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở tại Kỳ-liên khi Tăng trao cho pháp yết-ma bèn nói: “Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh vì có Tỳ-kheo đồng tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.” Nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián cho bỏ việc này: “Các ông chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có

bất minh. Các ông làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các ông đã làm hoen ố nhà người, đã có hành vi xấu.” Các trưởng lão nào chấp nhận Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián, cho bỏ việc này, thì im lặng. Ai không đồng ý thì xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận, trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy rồi, các Tỳ-kheo mới đến bạch Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo:

- Có Tỳ-kheo nào, Tăng tấn xuất rồi, hoặc đang tấn xuất, hoặc chưa tấn mà nói: “Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh,” cũng cần trao cho họ pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy.

- Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới sẽ nói như vậy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, sống nương tựa xóm làng, hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo ấy: “Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa.” Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo: “Chư Đại đức, các Tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.” Các Tỳ-kheo nên trả lời Tỳ-kheo đó: “Đại đức chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe.” Tỳ-kheo ấy được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ; các Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thôn: Có bốn loại, như trước đã nói.

Xóm làng thành ấp: Thuộc về của nhà vua.

Nhà: Có nam có nữ.³⁴⁰

Làm hoen ố nhà người:³⁴¹ Có bốn sự. Nướng tựa³⁴² nhà làm hoen ố nhà, nướng lợi dưỡng làm hoen ố nhà, nướng tựa thân hữu làm hoen ố nhà, nướng tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà.

- Thế nào là nướng tựa nhà làm hoen ố nhà? Từ một nhà (này) nhận được vật, đem cho một nhà (khác). Nhà mình nhận được vật nghe nói thì không vui. Còn nhà mình đem vật cho, lại nghĩ chuyện trả ơn, bèn nói: Nếu có cho ta, thì ta sẽ đáp lại. Nếu không cho ta, ta lấy cố gì cho lại? Đó gọi là nướng tựa nhà làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nướng lợi dưỡng làm hoen ố nhà? Tỳ-kheo được lợi dưỡng như pháp, cho đến thức ăn còn thừa nơi bát, đem cho một cư sĩ (này) mà không cho một cư sĩ (kia). Người cư sĩ nhận được liền sanh ý niệm trả ơn, nói: Có cho ta, ta sẽ trả ơn. Nếu không cho ta, làm sao ta cho lại? Đó gọi là nướng lợi dưỡng làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nướng tựa thân hữu làm hoen ố nhà người? Tỳ-kheo nướng tựa nhà vua, hoặc Đại thần, rồi vì (giúp) một cư sĩ (này), không vì một cư sĩ (kia). Người cư sĩ được (giúp) liền nghĩ việc trả ơn, nói: Có vì ta, ta sẽ cúng dường. Nếu không vì ta, ta không cúng dường. Đó gọi là nướng tựa thân hữu làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nướng tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà người? Tỳ-kheo lấy bông trái của Tăng cho một cư sĩ (này), không cho một cư sĩ (kia). Cư sĩ được cho liền nghĩ việc trả ơn, nói: Nếu có cho ta, ta sẽ cúng dường. Nếu không cho ta, ta không cúng dường. Đó gọi là nướng tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà người. Vì bốn sự này mà làm cho nhà người bị hoen ố,³⁴³ cho nên gọi là làm hoen ố nhà người.

Có hành vi xấu:³⁴⁴ Tự mình trồng cây hoa, hay sai người trồng cây hoa, cho đến, giúp vui cho người, như trên đã nói.

D. PHẠM TƯỚNG

327. Dữ tội 與罪, xác định tội. Pali: āpattim ropetabba.

328. Ô tha gia 汚他家. Pali: Kuladusāko, giải thích: Gây tai tiếng cho một gia đình bằng những biểu xén như là hình thức hối lộ.

329. Nướng tựa nơi đó mà sống. Pali: upanissāya viharati, giải thích: Nhờ nơi đó mà có được bốn nhu yếu là ẩm thực, y phục, ngoạ cụ và y dược.

330. Tức làm cho mang tiếng xấu

331. Hành ác hạnh 行惡行. Pali: Pāpasamācāro, giải thích: Trồng hoa hay sai người trồng hoa; tưới cây hay sai người tưới cây...

Tỳ-kheo nương tựa nơi tụ lạc, làm hoen ố nhà người, ai cũng thấy, ai cũng nghe; có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Tỳ-kheo kia can gián Tỳ-kheo này: Đại đức làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nên bỏ việc này, đừng để Tăng già quở trách, lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời, nên tác bạch. Tác bạch rồi, nên tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác bạch rồi. Còn có ba yết-ma nữa, nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách, lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy bỏ thì tốt, bằng không bỏ nên tác yết-ma lần đầu. Tác yết-ma lần đầu rồi, nên lại tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác bạch và tác pháp yết-ma lần đầu rồi, còn có hai yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng quở trách lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, nên lại phải tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn có một yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe theo thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ ba. Tác yết-ma lần thứ ba rồi, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tác pháp yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba Thâu-lan-giá. Nếu tác pháp yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai Thâu-lan-giá. Nếu bạch xong mà bỏ thì phạm một Thâu-lan-giá. Nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu trước khi chưa bạch, nói Tăng có thiên vị, có thù hận, có sợ hãi, có bất minh, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Khi Tăng tác pháp quở trách can gián lại có Tỳ-kheo khác bảo: đừng bỏ. Tỳ-kheo này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp quở trách can gián thì phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác pháp can ngăn quở trách có Tỳ-kheo-ni bảo: Đừng bỏ. Cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu trước khi chưa tác pháp quở trách can gián thì cô ni phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác bảo: Đừng bỏ; quở trách, không quở trách đều phạm Đột-kiết-la. Nếu không xem thư mà mang đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu vì bạch y làm người đưa tin sứ giả, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ. Hoặc yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hiệp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật giáo. Nếu tất cả trước khi chưa tác pháp quả trách can ngăn thì không phạm. Nếu cho cha mẹ, cho người bệnh, cho tiểu nhi, cho phụ nữ có thai, cho người bị nhốt trong ngục, cho người làm thuê trong nhà chùa thì không phạm. Trồng cây hoa, sai người trồng cây hoa, để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình tạo tràng hoa, sai người tạo tràng hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình dùng chỉ khâu hoa, sai người dùng chỉ khâu hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình cắm hoa, sai người cắm hoa cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình dùng chỉ khâu tràng hoa, sai người dùng chỉ khâu tràng hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng, đều không phạm.

Nếu bị người đưa tay muốn đánh,³⁴⁵ hoặc bị giặc, hoặc bị voi, báo, sư tử, hổ lang, hoặc nơi có hoạn nạn, hoặc chạy tránh vì người gánh gai nhọn thì không phạm. Nếu lội qua sông, rãnh, mương, hầm phải nhón gót nhảy thì không phạm.

Nếu đồng bạn đi sau, quay lại ngó không thấy, huýt gió kêu thì không phạm. Nếu vì cha mẹ bệnh, hoặc vì người bị nhốt trong ngục, hoặc vì người Ưu-bà-tắc có lòng tin sâu đậm bệnh hay bị giam cầm, xem thư rồi đem đi, hoặc vì tháp, vì Tăng, vì Tỳ-kheo bệnh mang thư tới lui, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XIII. ÁC TÁNH BẤT THỌ NHÂN NGŨ³⁴⁶

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-thiểm-di.³⁴⁷

Bấy giờ, Tôn giả Tỳ-kheo Xiển-đà³⁴⁸ vì tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác, lại nói các Tỳ-kheo: Các ngài chớ nên nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức, thôi đi, đừng nên nói gì nữa! Các Đại đức sao lại dạy tôi? Tôi đáng dạy Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác. Ví như nước lớn từ đầu cuốn trôi các cây cỏ dồn lại một chỗ. Các Đại đức cũng lại như vậy, đủ mọi dòng

332. Giải thích những hành vi, cử chỉ tương tự với đùa giỡn. Những điều này, một số liên hệ các Ba-dật-đề, một số liên hệ các pháp chúng học.

333. Pali, Sanghādisesa 12.

334. Pali: Kosambiyam Ghositārāme.

335. Xiển-đà 闍陀, thường gọi là Xa-nặc, quân hầu ngựa của Thái tử. Pali: Channa

họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Cũng như gió lớn thổi các cây cỏ gom lại một chỗ. Các Đại đức cũng như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Bởi vậy, các Đại đức không đáng dạy tôi. Tôi đáng dạy các Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác.

Khi ấy, trong các Tỳ-kheo nghe, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý hiềm trách Tỳ-kheo Xiển-đà:

- Sao lại ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác? Lại nói với các Tỳ-kheo: “Các ngài chớ nên nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng nên nói gì nữa! Các Đại đức sao lại dạy tôi? Tôi đáng dạy Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác. Ví như nước lớn từ đầu cuốn trôi các cây cỏ dồn lại một chỗ. Các Đại đức cũng lại như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Cũng như gió lớn thổi các cây cỏ gom lại một chỗ. Các Đại đức cũng như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Bởi vậy, các Đại đức không đáng dạy tôi. Tôi đáng dạy các Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác.”

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Xiển-đà:

- “Việc làm của các người là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nay Xiển-đà, sao lại ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác... như trên cho đến, Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác”.

Đức Thế Tôn quở trách Xiển-đà rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Cho phép Tăng trao cho Xiển-đà Tỳ-kheo pháp bạch tứ yết-ma hạ gián. Pháp quở trách can gián như vậy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà này vì tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác. Các Tỳ-kheo đã khuyên can như pháp những điều học giới, nhưng tự mình trở thành người không thể nói chuyện, bảo các Tỳ-kheo: “Các đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại đức thôi đi, khỏi cần phải dạy tôi.” Nếu thời gian thích hợp

với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp ha gián cho bỏ việc này: “Này Xiển-đà, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Xiển-đà, ngài nên như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà này do tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác. Các Tỳ-kheo đã khuyên can như pháp những điều trong giới học, nhưng tự mình trở thành người không thể nói chuyện, bảo các Tỳ-kheo: “Các đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại đức thôi đi, khỏi cần phải dạy tôi.” Nay Tăng vì Tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp ha gián cho bỏ việc này: “Này Xiển-đà, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Xiển-đà, ngài nên như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.” Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng vì Tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp ha gián cho bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói. Đây là yết-ma lần đầu. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã trao cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp ha gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Nên can gián như vậy rồi Tăng trao cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp bạch tứ yết-ma can gián khiến cho bỏ việc này rồi, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có các Tỳ-kheo khác do tánh ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác, thì Tăng cũng trao cho pháp bạch tứ yết-ma can gián như vậy. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

B. GIỚI VẤN

Tỳ-kheo nào, có tánh ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác. Khi được các Tỳ-kheo khuyên can như pháp những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: “Các Đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi.”

Các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy: “Đại đức, chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại đức hãy tự thân nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.” Tỳ-kheo này được can gián như vậy, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tánh ngoan cố không nhận lời của người:³⁴⁹ không nhẫn chịu, không thọ nhận lời người khác dạy bảo.

Lấy giới luật như pháp dạy bảo: Có bảy tụ vi phạm: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết.

Như pháp: Đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Nếu Tỳ-kheo với tánh ngoan cố, không chấp nhận lời của người, các Tỳ-kheo lấy giới luật như pháp để giáo thọ.

Tự thân không thể cùng nói: Đại đức chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Đại đức thôi đi, chớ can gián tôi.³⁵⁰

D. PHẠM TƯỚNG

Tỳ-kheo kia can gián Tỳ-kheo này: Đại đức, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Đại đức, ngài nên như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng quả trách mà phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, nên lại phải tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn có một yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quả trách lại phạm trọng tội.

336. Hán: ác tánh bất thọ nhân ngữ 惡性不受人語. Pali: Dubbacajātiko, bản tính khó nói; khó nói chuyện với.

337. Bản Hán có thể nhảy một câu: Tỳ-kheo nói như vậy, là tự thân trở thành người không thể nói chuyện với.

Nếu vị ấy nghe theo thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ ba. Tác yết-ma lần thứ ba rồi, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch và yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba Thâu-lan-giá. Bạch và yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai Thâu-lan-giá. Nếu bạch xong mà bỏ thì phạm một Thâu-lan-giá. Nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu trước khi chưa bạch, ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác, thả đều Đột-kiết-la.

Khi Tăng tác pháp quả trách can gián lại có Tỳ-kheo khác bảo: đừng bỏ! Tỳ-kheo này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp quả trách can gián thì phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác pháp can ngăn quả trách có Tỳ-kheo-ni bảo: đừng bỏ! Cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu trước khi chưa tác pháp quả trách can gián thì cô ni phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác bảo: đừng bỏ! Quả trách, không quả trách đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ. Yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật. Phi lời Phật dạy. Tất cả trước khi chưa can gián thì không phạm. Nếu bị người vô trí quả trách can gián, mà nói với người ấy: Việc làm của Hòa thượng, A-xà-lê của ông cũng như vậy. Ông hãy nên học hỏi, tụng kinh thêm. Hoặc việc kia là như vậy. Hoặc nói giỡn chơi, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói một mình, hoặc nói trong mộng, hay muốn nói việc này nhằm nói việc kia thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.
